Năm thứ hai — Số 42
Tuần lễ từ thứ tư 8 đến thứ ba 14 Avril 1942

tri tân

tạp chí văn-hóa ra hằng tuần

知新雜誌

TRONG SỐ NÀY :

Truyện vua Đinh Tiên-hoàng (bài nối) — Ứng-Hoè Nguyễn Văn-Tố
Cái tuổi của vài nhân-vật chính trong truyện Kiều — Lê-Thước
Những ông nghè triều Lê (XV) — Nguyễn Văn-Tố
Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (XX) — Ứng-Hòe
Những ân-nhân của nhân-loại — Nhật-Nham
Tam-nguyên hay Tam-xuyên ? — Việt-Thường
Phá đám chơi thuyền bằng mấy câu thơ ! — Tiên-Đàm
Phạm Bạch-Hổ — Nhật-Nham
Những ngày «lịch-sử» trong tháng Mars (Hết) — Long-Điền
Việt-Nam văn-học sử (XXIII) — Hoa-Bằng
Đoi đất Mã-lai (Thời-đàm) — Nhật-Nham
Tại sao từ nay nên viết là Trưng-Chắc, Trưng-Nhì — Hoa-Bằng
Thoát cung vua Mạc (XV) — Chu-Thiên

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE
Rue du Coton
HANOI

GIÁ BÁO :
Mỗi số 15 xu
1 năm 6$80
6 tháng 3.50
3 tháng 1 80

NHỮNG ÂN-NHÂN CỦA NHÂN-LOẠI

NHẬT-NHAM

TRONG kỳ hội-chợ triển-lãm mở tha g Décembre 1941 tại Ha-nội, công-chung đã được d'p quan-sát những tai liệu về kh -hoc trưng-bay trong các gian nha mới xây quanh viện Bảo tang Maurice Long.

Cuộc trưng bày ấy, ngoài muc-đích hi'n công-chúng những điều mới lạ v' khoa-học, lại còn nhac ta nhớ tới công-đức tiền-nhân. Dưới đây tôi xin giới-thiệu qua với ban đọc các nhà toán-ph'p học, thiên-van-học, vật lý-học va hóa-học từ thời cổ Hy-lạp đến nay đã xây đắp nền văn-minh hien tai.

Thượng-cổ thời đại mới bắt đầu sản-xuất được it nhà thông-thái, như mấy nhà kỷ-hà-học (géomètres) Thalès, Pythagore, Euclide và một tay có tài quán-triệt về khoa-hoc từng nổi tiếng trong mấy thế-kỷ trước tây lich : ông Archimède, ngoài sự kham-phá về toán-học, còn sáng-tạo ra nhiều cái mới lạ về cơ-khí (mécanique) và quang-học (optique) Khoa thiên-văn thời ấy nhờ có ông Ptolémée mà được xuất-hiện.

Đến trung-cổ thời đại, ông Roger Bacon gây nên một phong trao tự-do công-kich đối với sự truyền-ba học mới. Nhờ thế mà nảy ra phương-pháp thi-nghiêm được Léonard de Vinci làm cho phổ-cập khắp nơi.

Roger Bacon đã từng phát biểu câu sau này : «Kẻ nào chỉ khuynh-hướng về thực-hanh mà khong theo khoa học, không khác gì người thuyền trưởng chở thuyền ra khơi không co lai va địa bàn.»

Ta không quên Gutenberg đã phat-minh ra may in chữ chì công-dụng không phải là nhỏ.

Rồi đến Galilée là tác-giả quyển Cảnh-trí tự-điển *(Panorama Larousse). Képler đã cùng Newton phát minh ra thiên-văn-học tối-tân (astronomie moderne. Stevin-Mariotte và Du Briat nối chí Archimède về khoa cơ-khí các lưu-động-thể (mécanique des fluides). Boyle và Lémeri là những tiên-phong trong khoa hóa-học.*

Hai thế kỷ thứ 17 và 18 đã xây nền-tảng cho một nền khoa-học tối-tân.

Đứng đầu danh-sách các nhà hiền-triết có công trong việc xây-dựng ấy là các ông René Descartes, Blaise Pascal, Christian Huyghens, Isaac Newton, Gottfried-Wilhelm Leibniz, Fermat, Bernoulli, d'Alembert, Borda, Lagrange đã phát minh ra nhiều cái mới lạ về đủ mọi phương-diện.

Theo sau William Gilbert có sáng-kiến về điện-học, Von Kleist, Musschen-brœk, Otto de Guericke, Du Fay, Nollet, Æpinus, Guillaume Le Monnier, Coulomb, Franklin kế tiếp nhau nghiên-cứu và phát-minh về điện.

Hóa-học nhờ có Cavendish, Priestley và Lavoisier mà được bành chướng rất chóng.

«Nguyên-động-lực của lửa (force motrice du feu) được Denis Papin, James Watt và Nicolas-Joseph Cugnot phơi ra ánh-sáng. Xe ô-tô phát nguyên từ đó.

Bắt đầu sang thế-kỷ thứ 19 là một thế-kỷ rất giàu về các cuộc phát-minh khoa-học có ảnh-hưởng tới ngày nay.

Về phương-diện hóa-học Davy sáng tạo ra điện-khí-hóa-học (électrochimie) ; Philippe Lebon tìm ra hơi đốt sáng (gaz d'éclairage ; Gaston Planté sản-xuất ra máy tàng-trữ điện (accumulateurs) Bessemier, nhà kim-khí học, đã khởi xướng lên thuyết cơ-quan tổng-hợp (synthèse organique) ; Dimitri Mendéleieff, Williard Gibbs, Svante Arrhénius và Henry Le Chatelier là những nhà tiên-phong, trong việc phát-biểu những lý-thuyết tối tân (théories modernes.)

Đầu thế-kỷ thứ 19 đã mở một kỷ-nguyên cho quang-học do Augustin Fresnel nghiên-cứu ; Gœthe tìm được nhiều cách-chế các mùi để tô điểm về mỹ thuật.

Niepce và Daguerre phát minh ra nghề nhiếp ảnh. Rồi Gabriel Lippmann và anh em Lumière theo đó tìm được cách nhiếp ảnh mùi và nghề chiếu bóng.

Trong các phòng thi-nghiệm khoa-học, có nhiều nhà thông-thái rất được chú-ý như Verdet, A. — C. Berquerel Mascart.

Nhiệt-lực-học (thermodynamique) và sự ứng-dụng là một ngành khoa-học rất có ích về phương-diện xã-hội trong sự liên-lạc lửa với cổ-khí. Đứng đầu là Sadi Carnot, sau đến Robert Meyer, Marc Seguin, clas peyron, clausins, Joule, Denis, Poisson, Fourier và Poucelet.

Khoa-học thực hành (science appliquée) có các đại-biểu Stephenson phát-minh ra tầu-hỏa, Jac-

Các bạn cầu may !
bỏ 1 đồng
mua vé số
Đông-Pháp
biết đâu không trúng
số độc đắc 10 vạn

quard chế ra máy dệt vải, Parsons, Rateau sáng-tạo ra thủy-cơ-khí (turbines à vapeur); Gustave Zédé đặt ra tiềm-thủy-đĩnh (tầu ngầm) Ta cũng không thể quên anh em Montgolfier, Ader, Blériot, Santos Dumont đã có công với nghề hàng không.

Xin nói đến điện (électricité) và vô-tuyến-điện truyền-thanh (Radioélectricité):

Thế kỷ thứ 19 bắt đầu với sự phát-minh ra luồng điện (courant électrique) theo sau lại khám-phá được từ điện học (Électromagnétime). Điện do Galvani và Volta tìm ra. Từ điện học đã hấp dẫn bao người đến phòng thí nghiệm để nghiên cứu: Œrstedt, Ampère Arago, Biot và Savart và nhất là Laplace, một nhà hiền triết quán-thế đã nổi tiếng về khoa tính ước lượng (Calcul de probabilités) và vũ trụ học (Cosmogonie)

Trên mặt bia khoa điện-tán (décharge électrique) đã ghi tên các nhà sáng tạo như Ruhmkorff, Crookes, Geissler, Hittorf, Rœntgen.

Điện khí (Électromécanique) do các ông Pacinotti, de Graham, Marcel Deprez, Maurice Leblane, Ferraris, Elihu Thomson nghiên-cứu.

Édison chế ra cách dùng điện làm đến chiếu sáng.

Morse và Baudot đặt ra điện-tín (Télégraphe).

Con bà ho

Nhất là HO GÀ

Thuốc ho gia đình

Tổng phát hành

Nhà thuốc Tuệ-Tĩnh

53, rue Auvergue VINH

Vô tuyến-điện truyền-thanh phát-nguyên từ luận-án của người Anh Maxwell đã liên lạc lửa và điện với nhau. Heinrich Hertz đem những luồng điện hấp-dẫn (Ondes électromagnétiques) ra thí nghiệm. Sau Marconi và Ferrié mới thực hành được vô-tuyến điện. Hertz và Hallwachs đầu tiên đã có sáng kiến về điện-thoại viễn-thị (Télévision).

∴

Trên là lược kể qua những kết-quả trong cuộc phát minh về khoa học hợp thành tài-sản chung của nhân-loại, một cái tài-sản đã được bồi đắp từ bao thế kỷ mới có như ngày nay.

Bây giờ tôi xin phát biểu ý-tưởng đối với sự tiến bộ của khoa học không thể ra ngoài công-lệ của tạo-hóa, xã-hội hiện-thời đương biến cải không ngừng.

Mới năm 1920 gần đây, theo nhời một nhà báo Pháp, loài người còn đương ở thời kỳ ấu-trĩ bước sang thời kỳ trưởng-thành.

Những sự tìm tòi về khoa-học càng ngày càng hoạt động trong một phạm-vi rất rộng, đã tiến một cách rất mau chóng đến nỗi khuynh đảo cả cái khuôn khổ cuộc đời ngắn ngủi của loài người. Một lớp người chưa kịp thực-hành một cuộc phát minh mới, chưa kịp áp dụng cho sự sinh hoạt, mà cái phát minh ấy đã thành cổ hủ để nhường chỗ cho một sự sáng chế mới hơn Nhân loại tổ chức đã mấy nghìn năm mới được vững vàng, từ cách ăn ở ngoài xã-hội đến phong hóa trải bao đời tài bồi đã có nền tảng chắc chắn, thế mà đứng trước cuộc tiến hóa của khoa học cũng đều phải phục tòng một tình thế mới mà mấy lớp người trước không thể tưởng tượng được. Đường xa được rút ngắn; những nơi hưu quạnh đều trở nên đông vui. Quả địa cầu hình như về một vài phương-diện hẹp hơn một thị-trấn cổ-thời-đại. Tư tưởng, ngôn-ngữ, tin-tức giao-thông nhanh như chớp nhoáng. Ấy là do những kết quả rực rỡ do cái công-trình vĩ-đại của tiền-nhân đã chịu hi-sinh cho nhân-loại.

Các nhà vật-lý-học và hóa học tự nhốt mình vào trong 4 bức tường phòng thí-nghiệm để phân chất các vật dụng-hợp các chất, để khám phá những cái bí-mật của Tạo-hóa Kết quả cuộc thí nghiệm ấy đã biến-cải hoàn-cầu và giúp cho cuộc sinh hoạt của loài người được dễ-dàng hơn.

Hóa-học rất ảnh-hưởng đến kỹ-nghệ và đã sản-xuất những chất nổ có thể thắng được tất cả những trở-lực lớn-lao của Tạo hóa Tư-tưởng của loài người chỉ trong chớp mắt đã truyền qua được thế-giới và chỉ trong khoảnh-khắc, ta có thể vượt muôn dặm Như vậy há không nên nghĩ đến các vị ân-nhân như Volta Franklin, Papin, Watt, Fucton đã kể trên kia? Lại còn các nhà tham-hiểm như Cook, Dumond d'Urville vân vân đã từng đi vòng quanh thế-giới khám phá được nhiều lục-địa. Có phải cũng nhờ các nhà toán-học đại-tài đã chịu khó tự giam mình vào trong những căn phòng tịch-mịch, nát óc để giải-quyết những bài tính khó-khăn về thiên-văn-học...?

Công ơn của các nhà khoa-học đối với nhân-loại thực không bờ, không bến. Không có khoa-học, không thể có văn-minh được. Vậy xã-hội cần nên khuyến-khích và trợ-lực cho những ai đã đem tài-trí tâm-lực, suốt đời tận-tụy để cống-hiến cho loài người những cái sung-sướng về vật-chất và nâng cao trình-độ tinh-thần lên cõi tận thiên tận mỹ.

NHẬT-NHAM

Cái tuổi của vài nhân-vật chính trong chuyện Kiều

LÊ-THƯỚC

AI đã đọc mấy bài đại luận của hai ông Dương Quảng-Hàm và Đào-Duy-Anh nói về lai-lịch truyện Kiều (1) thì đều công nhận rằng truyện Kim Vân Kiều của ta chính bởi quyển *Kim-Vân-Kiều truyện* của Tàu mà ra. Tôi vì có cái hân-hạnh còn giữ được quyển *Kim-Vân-Kiều truyện* của Tàu (2), nên nhân tiện có đem so-sánh hai quyển với nhau, thấy có nhiều nghi án có thể nhờ sự so-sánh ấy mà giải-quyết được, để giúp cho độc-giả truyện Kiều nôm khỏi nhầm-lẫn hoặc hiểu sai nghĩa. Cái tuổi của các nhân vật chính trong truyện Kiều nôm là một trong những nghi án ấy.

Tôi nhận ra có nhiều độc-giả hiểu lầm tuổi cô Kiều, cô Vân. Theo câu : « *Xuân xanh xấp-xỉ tới tuần cập kê* », có nhiều nhà chú-thích dựa theo câu sách ở kinh Lễ, « *nữ tử thập ngũ, kê như tự* » mà giảng vắn-tắt rằng « con gái 15 tuổi cài trâm và đặt tên, tỏ ra đã lớn sắp gả chồng ». Theo câu chú-thích đó, những người không hiểu rõ tích-điển, ai chẳng nghĩ rằng cô Kiều lúc gặp Kim-Trọng mới độ 15 tuổi và 2 em cô thì Thúy Vân mới 13 tuổi rưỡi mà Vương Quan mới 12 tuổi là cùng. Cái tuổi ấy, thiết tưởng, còn trẻ thơ quá, dù cô Kiều có cái « *thông-minh rất mực* » đi nữa thì cũng khó lòng mà « *no bề thi họa, đủ mùi ca ngâm* » được. Huống hồ trong buổi chị em đi chơi xuân, thấy mả Đạm-Tiên, cô đã biết khóc người bạc mệnh, tủi kiếp hồng nhan ; khi gặp Kim Trọng, cô đã có ý muốn gửi cái thân-phận mong-manh để nương-nhờ cái phong-tư phú-hậu. Theo trong truyện, thì những lời cô nói ra và những ý cô nghĩ thầm, toàn không thích-hợp với cái tuổi của một cô con gái mới trạc mười lăm. Còn Thúy Vân và Vương - Quan là em cô Kiều thì tuổi lại còn ít hơn cô, sao mà người đã biết cười chị « *Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa* ». lại người thì trước là bạn đồng thân với chàng Kim - Trọng. Xem lời nói và việc làm của 3 chị em Kiều, người hay suy nghĩ không thể không có hai điều hoài-nghi như sau : Có lẽ « *Cập kê* » không phải là 15 tuổi, hay là tác-giả truyện Kiều đã dùng sai nghĩa hai chữ ấy.

Nay theo bản *Kim Vân Kiều truyện* bằng chữ Hán mà xét, thì ta thấy rõ cô Kiều lúc đó không phải chỉ mới 15 tuổi. Về cái tuổi của hai chị em cô Kiều thì ở nguyên truyện không nói đến « *tuần cập kê* » mà chép « *niên câu diệu linh* ». Còn tuổi của Kim Trọng thì nguyên truyện chép « *niên phương nhược quán* ». Theo sách *Lễ-ký* thì « *nhược quán* », xưa chính là 20 tuổi, nhưng về sau thì trong sự ứng-dụng muốn nói hơn kém 20 tuổi đều được. Vậy thì Kim Trọng lúc gặp cô Kiều đã 20 tuổi hoặc hơn. Còn hai chữ « *diệu linh* » thì cũng nghĩa như *thiếu niên*, không xác chỉ là mấy tuổi (*diệu* là tốt-đẹp, non nẻo ; *linh* là tuổi *Diệu linh* nghĩa là cái tuổi đang trẻ-trung tốt đẹp). Cứ lẽ thường thì « *diệu linh* » hoặc « *thiếu niên* » là cái tuổi từ 18 đến 20. Vậy thì cô Kiều lúc gặp Kim Trọng phỏng độ 20 tuổi Cái tuổi ấy không những vừa xứng đôi với tuổi chàng Kim đã nói trên, mà lại là thích-hợp với cái nguyện-vọng « hữu thất hữu gia » của cha mẹ. Vào trạc tuổi ấy, con trai lo việc hỏi vợ, con gái tính việc lấy chồng là chính đáng. Dù chàng Kim thấy cô Kiều mà « *trộm dấu thầm yêu* » hay cô Kiều gặp chàng Kim mà có mơ ước « *trăm năm biết có duyên gì* » thì cũng nhân-tình chi thường không ai bảo là bọn « *tường đông ong bướm* ». Còn cô Vân là em Kiều thì tuổi ít hơn chị cũng là phải. Song dù ít cũng phải trạc 18, hay 19 thì mới đủ cho chàng Kim mới liếc thấy mà đã có cái cảm-tưởng « *xuân lan thu cúc mặn mà cả hai* » Huống hồ sau cuộc gặp-gỡ ấy chưa bao lâu thì cô Kiều vì phải bán mình chuộc cha mà đem duyên chị buộc vào cho em ; nếu em mới 13 hoặc 14 tuổi thì trẻ con đã biết chi mà dám đương lấy cái « *gánh tương tư* » và làm cái việc « *giao loan chắp mối* » ?

Cũng bởi sự chú-thích không xác đáng ấy, nên có kẻ muốn cho cô Vân thêm tuổi để có thể đóng được cái vai của cô ở trong truyện, bèn cưỡng giải rằng cô với cô Kiều là con đẻ sinh đôi : Theo câu « *đầu lòng hai ả tố nga* » mà đoán như vậy thì cũng hơi có lý. Song nếu theo trong bản Kiều chữ hán mà xét thì lời giải ấy không có giá trị.- Trong nguyên-truyện không những ở hồi thứ I (trang 2) có chép rằng : « Trưởng nữ Thúy Kiều, thứ nữ Thúy Vân » mà về hồi thứ IV (trang 22), khi cô Vân tỏ ý muốn cùng chị bán mình chuộc cha thì cô Kiều gạt đi mà bảo rằng : « em tuổi trẻ, làm sao được việc ấy ! » « Nị niên ấu chẩm tố đắc thử sự ! »

Xem vậy, đủ rõ Kiều và Vân không phải là con sinh đôi. Nhưng dù sao, cô Vân cũng phải vào trạc tuổi 18 hay 19 thì mới có thể thay chị mà kết tóc xe tơ với chàng Kim, lại mới có thể làm chị Vương Quan trước kia là bạn học của Kim trọng.

Có kẻ bảo ở nguyên-truyện chỉ có chữ « *diệu linh* » thì sao ở bản Kiều của ta lại chép « *cập kê* ? », có lẽ cụ Nguyễn-Du đã dùng sai nghĩa hai chữ « *cập kê* » chăng ? Quả rằng không. Hai chữ « *cập kê* », theo cổ lễ, thì chỉ 15 tuổi, song về sau thì 20 tuổi cũng nói được. Trong bộ *Từ-hải* có chép rõ rằng : « Nữ-tử hứa giá, kê nhi tự chi ; kỳ vị hứa giá, nhị thấp tắc kê ». Nghĩa là « con gái đã hứa gả chồng thì cài trâm và đặt tên chữ ; còn con gái chưa hứa gả chồng thì hai mươi tuổi cũng cài trâm ».

Vậy trong câu « *xuân xanh xấp-xỉ tới tuần cập-kê* », cụ Nguyễn-Du đã dùng hai chữ « *cập-kê* » rất đúng nghĩa.

Hai chị em cô Kiều đều chưa hứa gả chồng thì chửa « cài kê », vì hai cô đã gần 19 và 20 tuổi, cho nên chép rằng « xấp-xỉ đến tuần cài kê » thì nghĩa vẫn đúng Sở dĩ có kẻ hiểu lầm hai cô mới độ 14 và 15 tuổi, ấy là lỗi bởi các nhà chú-thích giảng sai hoặc bởi độc giả hiểu lầm, chứ không phải bởi tác-giả đã dùng ép nghĩa. LÊ THƯỚC

Xem tiếp trang 6

Văn hành công khí

TAM-NGUYÊN HAY TAM-XUYÊN ?

VIỆT-THƯỜNG

THEO cuốn « Quốc-văn trích-diễm » của Dương-quảng-Hàm, ông tác-giả bai thơ tứ tuyệt vịnh ông phỗng đá là Tam-Nguyên Nguyễn-Khuyến. Bằng vào tài-liệu, đã kể rõ trong cuốn «Người xưa», tôi nêu lên thuyết : Bài thơ kia không phải của Tam-Nguyên Nguyễn-Khuyến mà chính là của Tam-Xuyên Tôn. Thất Mỹ. Đọc xong cuốn « Người xưa », ông Tiên-Đàm phân vân, không rõ bài thơ ngắn kia thật ra là của ai : Tam-Nguyên hay Tam-Xuyên ! Vì thế, trong một bài đăng trong tạp-chí « Tri-Tân », ông Tiên-Đàm muốn đem hai thuyết tương-phản của ông Dương-quảng-Hàm và của tôi ra cân nhắc để phân phải trái và nhân tiện chất-vấn các bậc cao minh trong văn-giới để mong một lời quyết-định, ông còn có nhã ý muốn bàn cùng tôi về câu chuyện ấy để mau đạt tới mục đích ông mong mỏi.

Trong khi chờ các nhà thức-giả giúp cho những tài-liệu rõ-rệt để định-đoạt tác-giả bài thơ « ông phỗng đá », tôi hãy thêm một vài ý-kiến cùng ông Tiên-Đàm để tạ lòng tri-kỷ :

Còn ngờ rằng bài thơ « ông phỗng đá» là của Tam-Nguyên, ông Tiên-Đàm kể lại một câu chuyện xưa : Trong một bữa tiệc mừng thọ, cụ Nguyễn-Khuyến, ngồi dạy học tại nhà ấy, bị một người chế giễu bằng câu : « Lão não kia, sao ngồi trơ ra như phỗng thế ? » Vì câu làm phạm đến lòng tự-ái của mình, nên nhân lúc quan khách lần lượt làm thơ mừng chủ - nhân, đến lượt Nguyễn-Khuyến, thi-sĩ ngâm ngay bài thơ :

« *Ông đứng làm chi đó hỡi ông ?*
« *Trơ trơ như đá, vững như đồng.*
« *Đêm ngày coi-sóc cho ai đó ?*
« *Non nước vơi đầy có biết không ?*»

Rồi tiếp đến bài hát nói, bắt đầu bằng những câu :

« *Trông phỗng đá, lạ lùng muốn hỏi :*
« *Cớ lam sao len lỏi đến chi đây ?*
« *Hay tưởng trồng cây cỏ nước non này,*
« *Chi cũng rắp chen chân vào hội Lạc* ».

Bằng vào câu chuyện đó, ông Tiên-Đàm kết luận : « Nhân dẫn chuyện trên, tôi muốn bàn cùng tác-giả cuốn « Người xưa » rằng : cái thuyết của ông Dương-quảng-Hàm biết đâu không xuất-xứ ở đây, vì câu chuyện mà tôi vừa kể có nhiều người ở Bắc-kỳ nhất là con cháu các nhà *cố-gia* đều biết ».

Nhắc lại chuyện trên, ông Tiên-Đàm chỉ làm công việc một nhà kể chuyện. Nhưng lẽ thường, một cái lầm vẫn được nhiều cái lầm khác làm tăng lầm thêm nhiều nữa.

Ta hãy xét : không bao giờ, một ông đồ dạy học trong nhà một người nào riêng đối với ông không có hiềm thù gì, bỗng nhiên vì một lời nói mỉa của một khách quan, ông đồ ấy làm ngay một bài thơ phúng thứ để « đối » lại chủ nhà : Nếu cụ mếch lòng thì cụ phải làm bài thơ nhắc lại cái « trơ trơ » của ông phỗng đá rồi gán cho ông những đức tính cao-siêu để tỏ rằng mình đây tuy ngồi trơ thế này nhưng chẳng phải một ông lão mộc-mạc, ngu muội đâu. Trái lại, bài thơ « ông phỗng đá » chỉ có ý chê-bai ông phỗng mà thôi. Vậy ông phỗng ấy không thể hình dung tác-giả được. Và nếu bảo cụ Nguyễn-Khuyến muốn ám-chỉ chủ nhà lại càng không phải nữa.

Cái thuyết : cụ Tam-Nguyên làm bài thơ « ông phỗng đá » về dịp mừng thọ không thể nào có được.

Nhưng nếu bài tứ tuyệt ấy không hợp cảnh thời bài hát nói cùng một đầu đề lại rất hợp : Tác-giả muốn lấy ông phỗng đá để miêu-tả tâm-tình cao-thượng của mình.

Chuyện nhận lầm ấy cho ta hoài-nghi rằng bài tứ-tuyệt kia chưa chắc là của Tam-Nguyên, và trong khi ta phân-vân, ta tìm thấy trong tập thơ của Tam-Xuyên một bài ý tứ giống như bài phỗng đá :

Vịnh một bức chân dung :

« *Chẳng biết ông chi quá lạ lùng,*
« *Ngồi trên hòn đá dưới cây tùng.*
« *Khoanh tay ra vẻ lo đời lắm,*
« *Vếch mảy như tuồng đắc ý hung,*
« *Làm bộ khôn ngoan tai mắt đủ,*
« *Đến điều phải trái, ruột gan không.*
« *Râu mày chịu tiếng trong trời đất,*
« *Sao cứ trơ trơ thế hỡi ông ?* »

(Người xưa, trang 59)

Tam-Nguyên, Tam-Xuyên, hai nhà thơ đều vịnh một ông phỗng đá, nhưng mỗi người một ý. Tam-Nguyên vì bị người ta soi-bói, mếch lòng nên lấy ông phỗng đá để hình-dung tâm-tình riêng của mình ; còn Tam-Xuyên chỉ trông thế-sự ngẫu hứng mà làm bài thơ châm-biếm đời chơi. Ý trong bài « ông phỗng đá » cũng như ý trong bài vịnh « một bức chân-dung » đều chủ về mỉa đời chứ không phải tự tâng bốc mình.

Hai quan-niệm của hai thi-sĩ đã trái hẳn nhau, ta có thể tin rằng bài tứ-tuyệt kia là của Tam-Xuyên. Một lẽ nữa giúp ta tin thêm : Bài tứ-tuyệt ấy trong « Tam-Xuyên thi tập » khác bài trong « Quốc-văn trích-diễm » :

« *Ông đứng làm chi thế hỡi ông ?*
« *Trơ trơ như đá vững như đồng !*
« *Giữ gìn non nước cho ai đó ?*
« *Thay đổi bao giờ có biết không ?*»

Hai câu sau có nghĩa hơn hai câu :

« *Đêm ngày coi sóc cho ai đó ?*
« *Non nước vơi đầy có biết không ?*»

Nước non vơi đầy thế nào được ? Chỉ có nước mới vơi đầy được, còn non chỉ có thể tan nát, đổ vỡ mà thôi. (Đã nói rõ trong Người xưa từ trang 83 đến trang 87).

Lầm tác-giả, Dương Quảng-Hàm tiên-sinh lầm luôn cả câu văn.

Nói tóm lại, sở dĩ có chuyện lầm kia là bởi hai nhà thơ tên gần giống nhau :

Tam-Nguyên, Tam-Xuyên. Và cũng hai nhà thơ ấy đều lấy một đầu đề để làm thơ. Bài « ông phỗng-đá » đã đành, còn bài «không chồng, trông bông lông» hai nhà thơ ấy cũng có mỗi người một bài.

Bài của cụ Tam-Nguyên :

« Bực gì bằng gái chực phòng không ?
« Tơ tưởng ai chung một tấm chồng.
« Trên gác rồng mây ngao ngán nhẻ,
« Bên trời cá nước ngẩn ngơ trông...
« Mua vui lắm lúc cười cười gượng.
« Bán dại nhiều khi nói nói bông.
« Mới biết có chồng như có cánh,
« Giang-sơn gánh-vác nhẹ bằng lông».

(Văn-đàn bảo-giám, trang 22)

Bài của cụ Tam-Xuyên :

« Chị em có cả, một mình không.
« Bạn mấy nào ai biết giá chồng ?
« Chín lớp trời đầu, trời cũng muốn,
« Bốn mùa mỏi mắt, đá còn trông.
« Quá rằm trăng đã tròn hin bóng ?
« Lỡ lứa cây đà trắng toát bông.
« Ông huyện ba la đầu gặp gỡ,
« Tương tư một gánh nhẹ bằng lông.»

(Người xưa, trang 61)

Các bậc cao minh, ý kiến gần trùng nhau là thế : (Cao minh chí sĩ, ý-kiến lược đồng).

Nghiệt vì Tam-Nguyên, Tam-Xuyên đều là người thiên cổ khiến chúng ta không thể kết luận chuyện lầm này một cách quả quyết được. Nhưng ta có thể nói : bài « ông phỗng đá » là của Tam-Xuyên thời đúng hơn. Chuyện lầm như thế cũng chẳng lấy gì làm lạ vì biết bao nhiêu bài thơ hay của những thi sĩ trong bóng tối bị thiên hạ vô tình đem gán cho những nhà thơ sẵn danh tiếng. Gần đây một đôi câu đối nào, một bài thơ nào bằng quốc văn hay bằng chữ Pháp đọc nghe hay, hay và có một tính cách riêng là người mình cho là của đức Duy-Tân. Một tỷ dụ hiển nhiên : Bài « Nocturne » tả sông Hương, được nhiều người biết và có nhà thơ đã dịch ra quốc-văn đăng lên báo, bài ấy theo nhiều người là của đức Duy-Tân. Nhưng thật ra, tác-giả là một người Pháp, đương còn sống : ông H. Guibier làm Conservateur des Eaux et Forêts ở Trung-kỳ. Bài « Nocturne » ấy đã đăng vào tạp chí « Đô-thành hiếu-cổ » (Bulletin des Amis du Vieux Huế) từ năm 1916 !

Tiếc rằng thi-sĩ đời xưa phần nhiều làm thơ để mà chơi trong chốc lát, đến lưu-thảo cũng chẳng muốn giữ lại, huống chi nghĩ đến chuyện đem in tác-phẩm của mình để ngày sau khỏi thất lạc. Vì tính ngông ấy nên mới có chuyện rắc rối vì thơ ông này đem « biếu » ông kia. Nhưng dù sao, công việc khảo cứu của hậu-sinh chỉ thêm phần khó khăn chứ chẳng phải mình chịu bó tay. Sự phán đoán minh-bạch có thể giúp ta đi đến mục đích. Và câu chuyện bài thơ « ông phỗng đá » vì những lẽ tôi đã kể trên, cũng có thể tạm kết - liễu. Nếu sau này không có một vị thức-giả nào lấy những tài liệu đích-xác phản lại thuyết của tôi, thời ta hãy tạm tin rằng bài thơ « ông phỗng đá » là của Tam-Xuyên vậy. Phải chăng ông Tiên-Đàm ?

Cái tuổi của vài nhân vật

Tiếp theo trang 4

1) Xem Tri-Tân số 4 và số 6.

2) Trong bản *Truyện cụ Nguyễn-Du* xuất-bản năm 1924, tôi đã nói đến quyển ấy và đoán chắc rằng truyện Kiều của Nguyễn-Du nguồn gốc bởi đó mà ra.

VIÊT-NAM DƯỢC-HỌC

in làm 12 cuốn

mỗi cuốn nói về 10 cây thuốc khác nhau dày trên dưới 3000 trang khổ 12x19, in làm 2 hạng ;

Loại giấy thường bán từ : 10p.00 trở lên
Loại giấy đặc biệt bán từ : 30p.00 trở lên

thêm 2p.00 cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả.

Loại giấy thường 7p.0 } tiền cước gửi
Loại đặc biệt 13p.00 }

Ngài nào mua trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả.

Loại giấy thường 7p.00 } và thêm 1p.92
Loại đặc biệt 13p.00 } tiền cước gửi

Ngài nào muốn coi một cuốn xin gửi.

Loại giấy thường 1p.00 } cả tiền cước
Loại đặc biệt 3p.00 }

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho :

Nhà in Mai-Lĩnh Hanoi

là nhà đa nhận xuất-bản

các sách thuốc của hội Y-học Trung-kỳ

VIỆT-NAM VĂN-HỌC

do NGÔ TẤT-TỐ chủ trương

1) Lý triều văn học
2) Trần triều văn học I
3) Trần triều văn học II
4) Lê triều văn học I
5) Lê triều văn học II
6) Nguyễn triều văn học

Dày tất cả ngót 2000 trang in làm 2 hạng.

Loại giấy thường bán từ 6 p. 00 trở lên.
Loại đặc biệt — 20 p. 00 trở lên
thêm cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả:

Loại giấy thường 4 p. 00 } cả tiền cước gửi.
Loại đặc biệt 12 p. 00 }

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả :

Loại giấy thường 5 p. 00 } cả tiền cước gửi
Loại đặc biệt 15p. 00 }

Ngài nào muốn coi một cuốn đầu xin gửi :

Loại giấy thường 1 p. 00 } cả tiền cước.
Loại đặc biệt 3 p 00 }

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi xuất bản

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 15 **Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ**

6 — Đào-chính-Kỷ, người xã Thuần-khang, huyện Siêu-loại, phủ Thuận-an Đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ khoa quí-dậu năm Thái-hòa mười-một (1453). Năm Quang-thuận ất-dậu (1465) làm phó-sứ sang nhà Minh cống phương vật. Làm quan đến tham-chính. Là anh Đào-Cử : anh em đồng triều (chép theo *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 8b và *Đăng khoa bị khảo*, Kinh-bắc, tờ 102 a).

7. — Lương-phùng-Thời, người xã Tống-xá, huyện Hiệp-sơn. Hai-mươi tám tuổi đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ (1453) Làm quan đến chuyển-vận-sứ. Hiệu là Tùng-giang (*Đăng khoa lục*, q-1, tờ 8b ; *Đăng khoa bị khảo*, Hải-dương, tờ 95a).

8 — Nguyễn-Thận, người xã Hương-quất, huyện Tứ-kỳ. Đỗ đệ nhị giap tiến-sĩ (1453). Làm quan đến thượng-thư. Là em Nguyễn-Thiện, Nguyễn Tài : huynh đệ đăng khoa (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 8b, *Đăng khoa bị khảo*, Hải-dương, tờ 42 b)

9. — Đặng-Chiêm (chép theo *Đăng khoa lục*, q 1, tờ 8b, và *Việt-sử cương mục*, q 20, tờ 25 a, còn *Đăng khoa bị khảo*, thu tập thượng, tờ 75 a, thì viết là Đặng-di) người xã Mạo-bồ, huyện Sơn-vi, phủ Lâm-thao Là dòng-dõi Đặng-Dung, Đặng-Tất về cuối đời nhà Trần, trung-nghĩa có tiếng, nguyên quê ở Thiên-lộc (Nghệ-an) : lúc nhà Trần mất, một chi ở xã Mạo-bồ, huyện Sơn-vi, một chi ở xã Sơn-đông, huyện Lập-thạch, đều đỗ-đạt cả Đặng-Chiêm là anh Đặng-Thẫn và Đặng-Điềm. Sinh ra Đặng-tòng-Củ, Đặng-minh-Khiêm và Đặng-Tán. Đặng-Đôn ở Nghệ-an cũng là con cháu sau. Đặng-Chiêm đỗ đệ-nhị giáp tiến-sĩ khoa quí-dậu (1453) năm hai-mươi-nhăm tuổi. Khoảng năm đinh-hợi, Quang-thuận thứ năm (1464) làm tham-nghị ở Thừa-tuyên-sứ-ty châu Hóa-châu. « Năm Quang-thuận thứ tám (1467) vua Lê Thánh-Tôn (1460 1497) sai các quan ở mười hai thừa-tuyên đi khám xét trong quản, vẽ những nơi sơn-xuyên hiểm-dị, và chua rõ những sự-tích cổ kim, đưa về hộ-bộ để làm *Dư-địa-đồ*. Tham-nghị ty thừa-chính-sứ ở Hóa-châu là Đặng-Chiêm dâng sớ tâu năm điều hưng-lợi : một là bảo-thủ cửa bể Tư-dung (ở phía đông-nam huyện Phú-vinh, phủ Thừa-thiên ; nhà Lý (1009-1225) gọi là Ô-long, nhà Trần (1225-1400) đổi là Tư-dung, nhà Mạc (1527-1677 đổi là Tư-khách, nay là Tư-hiền) ; hai là lấp Nhuyễn-hải-khẩu (ở huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên, nay là cửa bể Thuận-an) ; ba là mở cửa bể Liên-cừ (thấy chép từ đời Hồ Hán-Thương, năm Khai-đại thứ hai, 1404 ; Liên-cảng nay ở xã Thủy-liên, huyện Lệ-thủy, tỉnh Quảng-bình, chép theo *Việt-sử cương-mục*, chính-biên, quyển 12, tờ 5 b) ; bốn là bãi nguyên-đầu-thuế-sứ ; năm là chiêu-tập những người lưu-lạc để khai-khẩn những ruộng hoang ở châu Bố-chính » (*Việt-sử cương-mục*, chính-biên, quyển 20, tờ 25 a).

10. — Nguyễn-Chỉ, người Thanh-oai, phủ Ứng-thiên. *Đăng khoa lục*, quyển một, tờ 9 a, in là người xã Tả Thanh-oai ; *Đăng khoa bị khảo* (sách viết của Bác-cổ, số A 485, Sơn-nam, tờ 32 b) thì viết là Hữu Thanh-oai. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ (hội-nguyên) khoa quí-dậu (1433), làm đến đô-cấp-sự-trung bá-tước.

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Giới-thiệu

« HÀN MẠC-TỬ »

(*của Trần thanh-Mại*)

CẦM quyển sách có cái nhan đề *Hàn mạc-Tử* với hơn 250 trang giấy, nghĩ đến sự nghiệp mỏng-mảnh của « nhà thi-sĩ xấu số », tôi nghi-ngờ hỏi không biết tác-giả nó đã để những gì trong ấy.

Tác-giả đã để tất cả, « từng cử-chỉ, từng tính-tình của nhà thi-sĩ, từng giai-thoại trong đời người, những cái ấy mà bề ngoài tưởng như vô-ích, và chỉ để kéo cho dài giòng, tựu trung đều ăn nhịp với nhau, như những vòng của một sợi giây chuyền để mà ảnh-hưởng đến cái đích của người viết sách muốn đi tới : cắt nghĩa thi-phẩm của nhà thơ » (tựa).

∴

Tôi đã được cùng tác-giả theo thi sĩ đi từ bãi sông Nhật-lệ, « mà làn sóng nước mặn mỗi lần tạt vào đến ven bờ thì gửi lại một ít muối như để gắn-bó mặn nồng... », nơi thi sĩ đã, lần đầu tiên, trông thấy ánh sáng...

Qua cái đời học-sinh.

Qua cái đời làm báo chật-vật của thi-sĩ ở Saigon, đi ra làm với chiếc va-li đầy quần áo, đến lúc pháo giao-thừa nổ, lững thững về với hai tay không, đầu không mũ ..

Qua những ngày sống đầy những tình yêu của thi-sĩ : một người con gái cũng thi-sĩ như chàng, một hôm *tự nhiên* đem cái va-li đặt vào nhà thi sĩ, lấy rồ đi chợ, nấu ăn, săn sóc thuốc thang cho chàng. Một người khác yêu chàng, thề thốt với chàng để khi chàng thụ bệnh, bỏ chàng đi lấy chồng...

Qua những giờ-khắc nghèo-túng và đau-thương, thiếu cả cơm ăn áo mặc, nay ở chỗ này, mai chỗ khác, nhờ anh em từng đồng từng chữ để cố sống đưa cái thân tàn-rữa đến sự tiêu-diệt.

Đến thăm nghĩa-địa đất thánh Qui-hòa, tôi đã được trông thấy mộ thi-sĩ « với một chiếc thập-tự làm bằng hai que củi đóng một cái đinh ở giữa ».

Tôi đã đọc quyển sách một hơi từ đầu đến cuối, đọc xong, đặt quyển sách xuống, tôi bâng-khuâng nhìn đằng trước nhưng không thấy gì Tôi bùi ngùi tiếc một thi-sĩ có chân-tài mà cách đây bốn năm năm vì có liên-lạc với một thi-sĩ khác.. tôi đã được đọc những bức thư rất dễ yêu, hay tôi xúc động thương một kiếp bị đọa-đầy đến cái độ cùng-cực có thể chịu được một phần-tử của nhân-loại.

Tôi dừng lại đây kẻo đi quá công-việc tôi phải làm. Có dịp, tôi sẽ trở lại với quyển sách này. LÊ-THANH

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 20

Ứng-Hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

LXXXII (1)

Triều-thần hạ vũ thi (2)

Tinh thành đâu dám thấu u-huyền,
Cam-vũ đều nhờ sức cán-tuyền.
Một trận dồi-dào (3) nhuần Thuấn-dã,
Muôn phương hớn-hở khắp Chu-điền.
Cơ-mầu cảm-cách câu như hưởng,
Điềm ứng phong-nhương vận hữu niên.
Khôn biết lấy chi phu thượng-đáp,
Gin lòng kính-cẩn dám khi quên.

(Trích ở quyển *Quốc-âm thi-ca tạp-lục*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 296).

LXXXIII

Ngự-chế hỉ vũ thi (4)

Máy nhiệm cao xanh khéo chuyển-vần,
Giáo tuôn đòi trận bốn phương nhuần.
Những e hỏa-tản xoay tuần hạ,
Phút xuống quỳnh-tương tưới đội xuân.
Lưu-loát công tư mừng mọi chốn,
Chứa-chan thử tắc tốt mười phần.
Cảm-phu dám nghĩ vì tâm đảo,
Muôn đội khung-huyền mẫn hạ-dân.

(Trích ở quyển *Quốc-âm thi-ca tạp-lục*).

LXXXIV

Hoạch-Tấn thượng-thư trí-sĩ phụng ngự ban thi quốc-ngữ nhật thủ

Bấy lâu gang tấc chốn phong-thần,
Lục dã phen này đượm thức xuân.
Hoa-quốc mấy tài thêu vẻ gấm,
Lập triều nhiều thuở nhắc đồng cân.
Máy sâu tóm tỏ đương (5) tri túc,
Gánh nặng còn doành sức tri thân.
Ưu-ốc niềm xưa nên nghĩ đấy,
Bên tai khá lắng tiếng thiều-quân.

(Trích ở quyển *Quốc-âm thi-ca tạp-lục*).

LXXXV

Chùa Pháp-vũ

(Của Trịnh-Căn, 1682-1709).

Bài dẫn (bằng Hán-văn, dịch ra quốc-văn). — Giữa chốn đồng bằng trên cõi đất, cảnh chẳng lấy gì làm non cao núi lạ, nơi chẳng lấy gì làm suối thẳm hang cùng, đúc nên một thế-giới rực-rỡ như ngọc lưu-li ; chùa Pháp-vũ ở Thượng-phúc là nơi lạ hơn hết. Ao nầy sen xanh, đài mở cảnh vàng ; rườm-rà bóng việt, như chiếu che một góc giời ; tha-thướt cành dương, nước vầy thấm - nhuần cho mọi thức ; thoang-thoảng huệ-phong hòa lá bối, rành-rành giăng sáng ánh hoa đàm, đuốc báu sáng soi bốn cõi, bè từ phổ-độ trăm dòng ; lộng-lẫy thay ! linh thiêng như có ; nhiệm-mầu thay ! công đức khôn lường. Chợt bàn danh-thắng, cầm bút thành thơ.

Thanh - quang mơn - mởn trốn giao-quang,
Gấp mấy trần - gian mấy thế-thường.
Cả mở tượng-đồ, đồ tuệ-chiếu,
Vẹn gồm khoa-lục, lục kim-cương.
Doành thâu bích - hải, doành quanh-quất,
Sắc ánh tử-vân, sắc rỡ-ràng.
Đức thịnh càng ngày càng hiển-ứng,
Đừng thay đừng lạnh dấu đăng hương.

(Trích ở quyển *Ngự-đề Thiên-hòa-doanh bách vịnh* của Trịnh-Căn, sách viết bằng chữ nho và chữ nôm của Trường Bac-cổ, số AB 544, tờ 14 b - 15 a.)

LXXXVI

Lãm-sơn cảnh huống (6)

Rốn rồng đường dậy vuông tròn,
Núi cao nghe nói hãy còn tiếng hay.
Mây che quanh ba nghìn cây,
Non xanh mười sáu làng rày ở quanh.

Trích ở quyển *Phong-cảnh biệt-chí*, sách viết bằng chữ nho và chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 377, tờ 13 a.)

Còn nữa *Ứng-hoè*
NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

1) Những bài đăng kỳ này chưa có ai in ra quốc-ngữ.

2) Trong bản nôm đề là *Kỷ-sửu niên triều-thần hạ vũ thi nhất luật* nghĩa là năm kỷ-sửu, 1769, các quan triều thần làm một bài thơ mừng mưa.

3) Có người đọc là « lâm dâm ».

4) Bản nôm đề là *Quí-tị niên tứ nguyệt thập nhật ngự chế kỷ vũ thi nhị thủ* nghĩa là năm quí-tị, 1773, tháng tư, mùng mười, vua làm hai bài thơ mừng mưa : một bài thơ chữ và một bài thơ nôm. Bài thơ chữ như sau này :

Thước-thạch lưu-kim thử chính kiều,
Bái nhiên thủy liệu giải tiêu ngao.
Cửu tiêu mộc-mạch phân châu-tiết,
Tứ dã bàng-sà ốc thổ-cao.
Chính hỉ vọng-lâm phu tại tại,
Cảm vân thi-trạch ủy cao cao.
Ngưỡng tư huyền-huống di càng lật,
Mãnh miễn di cang hiệp Vũ Cao.

xem tiếp trang 11

Số 23

THỬ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

NGUYỄN-Y-SƠN sở trường về lối văn biền ngẫu : dùng chữ tinh, đặt lời đẹp, khiến lối văn đó tấn-tới hơn hồi đầu Lý

Khi già, ông về trụ-trì ở chùa Nam-vô làng Yên - lãng, hết sức khuyên môn-đồ hăng-hái tu-tiến để cho chóng thành chính-giác.

Ông chủ - trương cái thuyết nhất-nguyên, cho bản-thân người ta là cái trung-tâm điểm của mọi sự. Ông có bốn câu này để bày-tỏ ý đó :

Chân thân thành vạn tượng,
Vạn tượng tức chân thân.
Nguyệt điện vinh đan quế,
Đan quế tại nhất luân.

Dịch

Thân ta thành môn tượng,
Muôn tượng tức thân ta.
Cung trăng cây quế tốt ;
Cây quế trong gương Nga.

Ông mất ngày 18 tháng 3, năm Kiến-gia thứ 3 (1213). Người ta còn nhớ mấy câu biền-ngẫu này trong một bài văn *khuyến* cua ông :

« Điếu danh, thị lợi, giai như thủy thượng phù âu.
« Thực phúc, chủng duyên, tận thị hung trung hoài bao. »

Dịch

Chuốc lợi, cầu danh, thảy như bọt nổi trên nước ;
Gây duyên, trồng phúc, ấy là của báu trong lòng.

TIẾT HAI MƯƠI BỐN

LÊ THUẦN (? — 1222)

Mặt đẹp, tiếng mềm-mỏng. Lê Thuần là người Kinh-thành. Côi-cút bơ-vơ từ thủa bé, ông nếm trải nhiều mùi vất-vả gian - nan.

Nhưng, may sao, hồi 11 tuổi, đứa trẻ khốn nạn đó được bàn tay từ-bi của sư Thường-Chiếu tế-độ cho. Thế là từ đó Lê Thuần trở nên một nhà tu-hành, pháp-hiệu là Hiện-Quang.

Học sáng, chưa đầy 10 năm, ông đã thông cả tam giáo (Nho, Đạo, Thích).

Thấy mình thua kém người ta trong khi biện luận về tâm yếu của Phật giáo, ông thường hối-hận trách mình : « Ta, như cậu con nhà giàu, ăn chơi lêu - lổng khi còn cha mẹ ; đến khi côi cút thì vơ-vơ mê-muội, không biết gia-bảo ở đâu, thành thử vẫn phải túng thiếu ! » (1) Lời đó thật là bài học dạy chung những ai không biết tu tiến cho kịp thời.

Nói thì làm, rồi ông đi tìm thầy, học thêm, chứ không ngồi suông, than hão.

Mặc áo giáp «nhẫn-nại», cầm cây giáo «tinh-tiến» ông cứ hăng-hái bước lên, không để ý đến những tiếng gièm-chê của thế-tục.

Ôm chí cao khiết, cứ lủi-thủi đi trên đường đạo - học thênh-thang, ông muốn hi-sinh hạnh-phúc mình cho khỏi lụy đến kẻ khác : khi ở núi Uyên - trừng thuộc Nghệ-an, thấy người thị-giả bưng gạo cho ông nhưng lỡ tay đánh đổ, rồi sợ-hãi vội-vàng bốc hốt cả đất lẫn bùn, ông cảm-động, tư nghĩ : Mình ở đời đã không ích gì cho ai, lại làm bận người khác phải cung-cấp lương thực, nên mới đến nỗi thế này ! Thì đi ! Đi biệt ! Ông vào tận núi Từ-sơn sâu thẳm, ẩn thân dưới mái lều tranh do ông tự làm.

Vua Lý Huệ-Tông (1211-1224) mộ tiếng ông, có sai sứ-giả đem lễ-vật đến đón ; song ông cố sức từ-chối, nhất định không hạ sơn từ đó nữa Ông có bài này trả lời một người hỏi ông ở núi làm việc gì :

Ná dĩ (?) Hứa-Do lực,
Hà tri thế kỷ xuân ?
Vô vi, cư khoáng dã,
Tiêu-dao tự tại nhân.

Dịch

Chỉ theo gót Hứa-Do,
Nào biết xuân đã bao ?
Vô vi, ở đồng-nội,
Sống tự-tại tiêu-dao...

Mất năm Kiến-gia thứ 11 (1222) đời vua Lý Huệ - Tông, ông còn có bài thơ đại ý nói pháp và tu đều là ảo cả. *(Còn nữa)*

1) Lời thí-dụ này thoát-thai trong kinh Pháp-hoa.

Một đoạn lịch sử vẻ vang
ấy chuyện lý thú và ly kỳ của

Cụ Nguyễn-Hàm-Ninh
Cụ Cao - Bá - Quát
Đức ông Tuy-lý-Vương

Sẽ làm các bạn khoai trả bằng 60 trang văn chương đầy thi vị trong

Đời tài hoa

Một quyển sách rất có giá trị

Giá đặc biệt 0p35

Ở xa gửi bằng tem, thêm 0p06 cước cho : hiệu sách Đông Tây 195 hàng Bông Hanoi,

Số 2

Những ngày «lịch-sử» trong tháng Mars (1)

16 mars 1942 thứ hai 30 tháng giêng, nhâm-ngọ

Ngày nay, nam mậu-tý, 1408, Trương-phụ, tướng nhà Minh, đem quân vào đánh Diễn châu (Nghệ-an, Trung-kỳ).

17 mars 1942 thứ ba 1 tháng hai, nhâm-ngọ

Ngày nay nam canh dần, 1890, quan Toàn quyền Picquet ký nghị-định lập tỉnh Thái-bình, Bắc kỳ.

18 mars 1942 thứ tư 2, tháng hai, nhâm-ngọ

Ngày nay, nam giáp thân, 1884, quân Pháp giao chiến với quân Cờ-đen ở Phả lại (Sept pagodes, Bắc-kỳ).

19 mars 1942 thứ năm 3 tháng hai, nhâm-ngọ

Ngày nay, nam canh thân, 1656, quan Đốc chiến Nguyễn hữu Dật, tướng của chúa Nguyễn, phá thủy binh của chúa Trịnh ở eo Mãn-tường (Nghệ an, Trung kỳ).

20 mars 1942, thứ sáu, 4 tháng hai, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm qui mùi, 1883, đại-tá Henri Rivière đem binh chiếm giữ các mỏ than ở Hongay, Bắc kỳ và đặt một đồn binh ở vũng bể để án ngữ.

21 mars 1942 thứ bảy 5, tháng hai, nhâm-ngọ

Ngày nay nam tân mão, 1891, quân Pháp giao chiến với quân Đốc Ngữ ở vùng Sơn tây, Bắc kỳ.

22, mars 1942chủ nhật 6 tháng hai nhâm-ngọ

Ngày nay, năm qui mão, 43, bà Trưng Chắc với em gái là Trưng-Nhị cầm quân giao chiến với quân Mã Viện ở vùng Hát giang, Sơn tây.

Hằng năm, làng Đồng nhân (Hà-nội) có đền thờ Hai Bà mở hội kỷ-niệm ngày ấy.

23 mars 1942, thứ hai, 7 tháng hai nhâm-ngọ

Ngày nay, năm tân mùi, 1477, đại binh vua Lê Thánh Tôn vào đánh Chiêm-thành, tiến đến cửa Tân-ấp (?).

24 mars 1942, thứ ba, 8, tháng hai, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm giáp-thân, 1884, binh Pháp đi đánh Bắc-ninh, tiến đến Phả-lại.

25 mars 1942, thứ tư, 9 tháng hai nhâm-ngọ

Ngày nay, nam giáp-thân, 1884, binh Pháp đi đánh Bắc-ninh, tiến đến làng Phù-lãng thuộc phủ Từ-sơn, Bắc-ninh.

26 mars 1942, thứ năm, 10, tháng hai nhâm-ngọ

Ngày nay, năm tân mùi, 1751, Nguyễn Danh-Phương (giặc Hêo) bị bắt sống ở huyện Lập-thạch, Vĩnh-yên, Bắc-kỳ.

27 Mars 1942, thứ sáu 11, tháng hai, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm giáp-tý, 1864, quan Khâm-sai Phan Thanh-Giản đi sứ Pháp đáp tàu «Japon» về tới Sài-gòn.

28 Mars 1942, thứ bảy, 12 tháng hai nhâm - ngọ

Ngày nay năm nhâm - tuất, 1922, vua Khải-Định phong Hoàng-tử Vĩnh Thụy làm Đông-cung. (Sau lên nối ngôi hiệu là Bảo-Đại).

29 Mars 1942, chủ-nhật 13 tháng hai, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm canh thân, 1740, đạo binh Trung-kinh của quan Tiến-sĩ Trần-Cảnh đánh phá được bọn Cai-Đào ở vùng Thanh - hóa, bắt được rất nhiều binh-khí.

30 Mars 1942, thứ hai, 14 tháng hai, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm Tân - dậu, 1861, Trung-tướng Charner ký nghị-định tuyển 4 đội lính Việt-nam đóng ở Gia-định và Mỹ-tho, Nam-kỳ.

31 Mars 1942, thứ ba, 15, tháng hai, nhâm - ngọ

Ngày nay năm Tân mùi, 1751, Trịnh-Doanh dẹp được giặc Hêo, làm lễ hiến phù ở Thái-miếu.

HẾT

LONG-ĐIỀN

1) Bài này đáng lẽ ra tiếp từ tháng Mars nhưng vì một cớ riêng, nên mới chậm đến nay. Xin bạn đọc lượng thứ.

Tin văn... nghệ...

Hồi 5 giờ rưỡi chiều hôm 25-3-42, tại hội quán hội Quảng-Trị Huế có cuộc trưng-bày tranh vẽ của họa-sĩ Trần văn-Thọ. Cái màu trội nhất trong những bức tranh ấy là một màu xanh; trội đây nghĩa là nhiều nhất và ngóa nhất. Cái màu xanh lục kia đã làm hại đến những bức khác có giá-trị của họa-sĩ, trong đó, màu đặc sắc lại là những màu dịu, lạt và xam-xám.

∴

Ngay sau đó, nghĩa là hồi 6 giờ ngày hôm ấy và cũng tại hội quán ấy, có cuộc diễn thuyết về văn-học. Đầu đề là: «*Một phương diện về thiên tài của Nguyễn-Du hay là cái may lạ-lùng của Từ-Hải*». Diễn giả, ông Hoài-Thanh, đã so sánh vị Từ-Hải anh hùng trong «*Đoạn trường tân thanh*» tức truyện Kiều của Nguyễn Du với tên giặc cỏ trong «*Ngu sơ tân chí*» của Dư Hoài và tôi với nhà nho lỡ vận trong «*Kim-Vân-Kiều truyện*» của Thanh Tâm tài nhân. Suốt gần một giờ, công-chúng được nghe những lời rắn-chắc và mạnh-mẽ (cả giọng nói cũng vậy). Giá ông Hoài Thanh điều đình trước với họa-sĩ vẽ toàn những bức «tranh Kiều» đem trưng-bày và nhất là vẽ riêng một bức châu dung Từ Hải cho to tát, thì ngày hôm ấy, giữa văn chương và mỹ-thuật, đã có một cuộc phối-hợp hay hay.

∴

Rồi chiều hôm 27, cũng hồi 6 giờ và cũng tại hội quán ấy, lại có một cuộc diễn thuyết nữa: Ông Nguyễn văn-Cổn nói về «một cuộc phục hưng». Thính-giả khá đông.

P. K. K.

Cải-chính

Trong số *chuyên-san Đinh-Tiên-Hoàng* (T. T. số 41), có mấy chỗ cần cải-chính:

Ở trang 10: tấm ảnh đó là *đền vua Lê Đại-Hành*, chứ không phải «cổng đền vua Đinh Tiên-hoàng».

Trang 19, cột 3, giòng 18: *Tây-kết*, chứ không phải Tân-kết.

Giai-thoại trên đàn văn.

Phá đám chơi thuyền bằng mấy câu thơ

NĂM Mậu-thân (1848), nhân gặp tang đức Hiến-tổ chương hoàng-đế (Thiệu-trị), các quan ở các hạt đều phải đề chở cả. Mà đức Dực-Tôn mới lên ngôi là vua trọng nghi-lễ vì ngài là bậc chí-hiếu, nên việc tang lễ rất nghiêm-ngặt.

Một quan phủ ở hạt Hải-dương, chừng như vô-tình gặp tiết trung-thu, cùng các quan trong hạt bơi thuyền đi thưởng nguyệt ở sông Sặt.

Ông nghè Tân tình cờ qua đấy, thấy như vậy, mới nghĩ cách trêu các quan một phen. Ông lại gần tên lính mang điếu hầu quan, vờ làm học-trò nghèo xin hút nhờ một điếu thuốc cho đỡ thèm. Tên lính thường tình, cho mượn điếu. Hút xong, ông giả vờ đánh rơi vỡ cả cái điếu rất cổ, rất quí ấy. Tên lính giận lắm, níu lấy, đem trình quan phủ.

Quan phủ thấy nói là học-trò, cho đòi xuống thuyền để bắt hầu thơ. Quan ra đầu bài thơ « Trung-thu thưởng nguyệt », rồi cho phép ông ngồi ở mui thuyền nghĩ trong khi các quan đang yến ẩm nghe hát.

Ông Tân giả vờ xin cho uống rượu mới ra thơ. Quan phủ cho mang ra một nậm. Uống hết mà cũng không ra câu nào, lại nài xin nậm thứ hai; hết nậm thứ hai cũng bí tắc; đến nậm thứ ba ông Tân vùng đọc lên ba chữ : « *Ô-hô ! Ô-hô ! Ô-hô !* »

Các quan phá lên cười cho là điên. Ông Tân vẫn thản-nhiên đọc lại cả câu :

« Ô hô ! Ô hô ! Ô hô ! Thiên ! »

Lúc ấy thuyền đi giáp bờ; các quan cũng hơi nóng lòng không biết anh học trò này định làm trò trống gì...

Ông Tân liền níu lấy bờ cỏ gần sông và đọc to cả bài thơ :

« Ô hô, ô hô, ô hô, Thiên !
« Hoàng-thượng thăng-hà vị nhất niên !
« Giang sơn thảo mộc giai hàm lệ,
« Thái-thú giang biên nhẫn trạo thuyền ! » (1)

Đọc xong ông nhảy tót lên bờ, len vào đám đông người, chạy mất.

Quan phủ và các quan trên thuyền nghe hết bốn câu thơ đó, sợ toát mồ-hôi ! Rồi quan phủ truyền bãi ngay cuộc chơi thuyền. Các quan ra về ai nấy sợ phập phồng vì nghi tên học trò ấy là quan Thanh-tra của Triều-đình sai ra.

TIÊN-ĐÀM
(thuật theo nhời một vị lão nho)

1) *Ô hô, ô hô, ô hô, giời ơi !*
Hoàng-thượng mất chưa được một năm !
Giang sơn cây cỏ còn đầm lệ ;
Quan Thái-thú nỡ lòng nào chơi thuyền ở bên sông !

Tài liệu đính-chính

(Tiếp theo trang 7)

Đại-khái nghĩa là : đá chảy, vàng chảy vì nắng dữ; ai ngờ có trận mưa giáo giải được cơn nóng ấy. Chín từng hạt mưa rơi xuống như ngọc châu vụn, bốn cõi mông-mênh đất ướt như mỡ. Rất mừng được thỏa lòng mong mưa, dám nói yên được lòng trên cao đã ban ơn. Trông lên phúc nhớn của giời càng lo sợ, cố gắng kính-cẩn hợp với lòng vua Hạ-vũ (khoảng năm 2205 trước kỷ-nguyên) và ông Cao dao (là quan tư-pháp đời Ngu-Thuấn)

5) Có người đọc là : « Máy sâu tóm tỏ là tri-túc ».

6) Nguyên-văn chữ nho là : *Bắc-ninh-trấn phong-cảnh : Lãm-sơn cảnh huống* (thuộc Quế-dương huyện, thập-lục xã hoàn sơn)

Long-đỗ phương sơ tác thượng-phương,
Cao phong văn-đạo thượng lưu phương
Tản vân lục nhiễu tam thiên thu,
Bàn lĩnh thanh hoàn thập lục hương

PHÀM NHÀ VĂN ĐỀU PHẢI ĐỌC

Tầm nguyên Từ-điển

Tinh-hoa linh 100 bộ kinh, chuyện cổ, rất nhiều văn-liệu, điển cố cần biết
Tựa của hai nhà kỳ-cựu trong học-giới : Nguyễn Văn-Ngọc và Trần Trọng-Kim

Giấy thường giá	2p.80
Giấy bouffant (còn vài bộ)	3p 80
Giấy bouffant bìa vải (còn ba bộ	5p.00
Giấy bouffant bìa gấm còn hai bộ)	10p.00

Thư-từ ngân-phiếu để cho

M. LÊ VĂN-HOÈ giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ, *16bis Tiên Tsin* **HANOI**

TRUYỆN VUA ĐINH TIÊN-HOÀNG (968-979)

Bài nối (1)

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

VI. — Đinh-Bộ-Lĩnh rình mẹ đi vắng, giết lợn khao quân

Qua đường có khách đứng trông,
Sự nga hay cũng, nên xong đã rày.
Tối về sớm lại họp bầy,
Ngủ rày quen mắt, trộm rày quen thân.
Nào dạy vạ xa đồn gần,
Chú đe chẳng được, mẹ ngăn chẳng chừa.
Chơi lâu sướng dạ càn đua,
Bộ-Lĩnh ngồi hòa bảo chúng rằng : « Bay
« Đã lòng yêu trẫm thế này,
« Toan tạm một ngày, hay sắm nghìn năm ».
Chúng rằng : « Thượng hạ nhất tâm,
« Hội nào là chẳng kết làm chúa tôi ! »
Cùng nhau trỏ đất thề giời :
« Ai chẳng như nhời, thiên địa xét soi ! »
Lĩnh mừng nói hết khúc nhôi :
« Mai nên công-nghiệp, ơn nuôi yêu vì.
« Đã nên cật dạ một bề,
« Hiềm nhà đói kém, lấy gì đãi nhau ?
« Nhà còn một lợn bấy lâu,
« Mẹ nuôi làm vốn, tiếc nhau ru mà !
« Mai người đi chợ đường xa,
« Dạo-dò thấy vắng, chúng ta ập vào,
« Bắt ra làm thịt ta khao,
« Cơn này hầu dễ tiếc sao phải người ».
Ai nấy y hẹn bằng nhời,
Sáng ngày ngồi họp ở ngoài ngã ba,
Chờ mẹ đi chợ vắng nhà,
Bắt ra cùng giết, chúng hòa cùng ăn.

VII. — Mẹ về thấy mất lợn, nói với chú Đinh-Bộ-Lĩnh

Mẹ về vừa đến ngoài sân,
Tra tay mở cửa, bước chân vào nhà.
Có một bạn gòa lân-gia,
Chào cợt rằng : « Bà Thái-hậu về ru !
« Rày con bà đã làm vua,
« Giàu sang bà được phong-lưu từ rày ! »
Lão bà khéo miệng rằng : « Bây,
« Những như nhời ấy, bà bay mất nhờ ! »
Trông ra ngoài cũi bấy giờ,
Mất lợn tai-hại, ngồi giơ kêu gào :
« Láng-diềng bên trước bên sau,
« Có ai thấy lợn tôi đâu chăng là ? »
Có người nhủ-bảo gần xa :
« Lợn ấy con bà đã bắt những trưa !
« Đàn trẻ bầu lên làm vua,
« Sai về bắt lợn, ra hòa khao quân.
« Cho trẻ chăn trâu nó ăn,
« Ai hay là chẳng thánh-quân nhà bà ! »
Phu-nhân tiếc lợn chạy ra,
Nói cùng Đinh-Dự : « Chú hòa làm sao ?
« Oan-gia mấy kiếp lộn vào,
« Sinh con quỉ-quái lông-lao chơi-bời.
« Ở ra những nết dễ ngươi,
« Nghe nhời trẻ dỗ, lên ngồi làm vua.
« Sớm ngày min đi chợ trưa,
« Dạo thấy vắng nhà, bắt lợn khao quân.
« Chú mà chẳng dạy hư thân :
« Nướng đo chẳng chín, vạ trần dâu khô (2).
« Lửa thành ao cá dễ xô,
« Nếu trai mà mắc, thì cò khôn ăn ».

VIII. — Chú là Đinh-Dự đuổi đánh Bộ-Lĩnh

Đinh-Dự nghe nói tức gan,
Cầm gươm ruổi đến Hoa-ngàn một thôi.
Thấy chúng vừa ăn uống rồi,
Điền rằng : « Kìa chú ám hoài chúng ta ! »
Bặc liền tuốt lấy dao ra,
Lưu-Cơ cầm gậy, người hòa đón ngăn,
Bộ-Lĩnh chạy chẳng nhìn thân,
Chú bèn đuổi mãi, hầu gần dặm xa.
Đến chưng bến đò Đàm-gia,
Đường cùng nghĩ túng, rẽ bừa xuống sông.
Chẳng ngờ thủy-tế long-cung,
Biết Đinh-hoàng nạn, có lòng chở-che.
Mới đòi long-tôn tức-thì :
« Đàm-gia sông ấy, mày đi cho cần !
« Thấy Đinh-hoàng phải nạn-truân,
« Sông cùng nẻo ắt hóa thân làm đường.
« Kip với rước lấy vua sang ».
Long-tôn bèn hóa nên đường hư-không.

Cổng đền vua Đinh Tiên-Hoàng

Chơn-vơn nổi giữa giòng sông,
Nhường đường hiện dậy, nhường rồng vắt ngang.
Bộ-Lĩnh thoắt-thoắt bước sang,
Sông bỗng mất đường, rồng bỗng biến đi.
Dự thấy sự lạ chỉn-ghê,
Cầm gươm gọi với : « Trở về hỡi con ! »

IX. — Bộ-Lĩnh trốn sang Giao-thủy

Bộ-Lĩnh hòa sợ hòa hờn,
E khi quá giận, ra gan thiệt mình.
Đêm ngày nương náu chùa đình,
Nào còn đoái đến ơn sinh đấy rày.
Đinh-Điền, Nguyễn-Bặc nhớ thay (3),
Trộm cơm cha mẹ giấu rày cho ăn.
Sự giời đã định quân thần,
Trẻ sao cũng có trung-cần cùng nhau.
Lĩnh nhủ Điền, Bặc trước sau :
« Tớ về ắt chú thấy âu chẳng vì.
« Chúng ngươi tự ý trở về,
« Tớ sang Giao-thủy làm nghề bộ-ngư.
« Vốn ta đã nguyện nẻo xưa,
« Cùng hưởng phú-quí, cùng nhờ hiển-vinh.
« Giời dầu còn hậu họ Đinh,
« Chưng sau tớ được, về thành Hoa-lư.
« Đền lau sau tớ định đô,
« Ngôi ngươi ngày trước, lại như giao nhời.
« Về thăm khắp hết ai ai,
« Chớ thấy sóng cả mà nguôi mái chèo.
« Khẩn khẩn xin hãy như điều,
« Chúng yêu giời cũng lòng yêu giữ giàng ».
Bặc, Điền, Bộ-Lĩnh, năm chàng,
Cùng nhau khóc-lóc lên đàng ra đi.
Dã nhau từ-biệt một khi.
Kẻ sang Giao-thủy, người về Hoa-lư.

X. — Bộ Lĩnh đánh cá bắt được ngọc khuê

Lĩnh sang Giao-thủy bấy giờ,
Kết cùng phao-võng, sớm khuya bạn-bè.
Con thuyền tay lái đi về,
Nào khi ngư-phủ, nào thì Hoa-lư.
Mệnh giời đã định nẻo xưa,
Ngọc khuê dành để đợi chờ đế-vương.
Thường thường có khí hào-quang,
Đêm đêm sáng dậy, bên giang trùng-trùng.
Bộ-Lĩnh hỏi chúng ngư-ông,
« Ấy chi mà sáng dưới sông đấy rày ? »
Chúng ngư bèn bảo rằng : « Đây,
« Sáng ở sông này đã mười hai năm. »
Bộ-Lĩnh hay dạ ước thầm,
Sông này hẳn có ngọc trầm ở đây.
Mười hai năm kể đốt tay :
« Ta ra lòng mẹ, giời rày sinh khuê.
« Ắt giời đợi thánh ra thì,
« May ai nấy được, há chia có tày ? »
Một mình thầm ước ai hay,
Nào ngờ phú-qui đến ngày giời cho !
Nghĩ được ngọc khuê bấy giờ,
Của nên vô giá, ai mà xem đang ?
Tuy còn lấm-láp sáng quanh,
Vuông tròn tượng thể, xanh vàng đúc nên.
Góc ngoài khuyết chút một bên,
Nặng nên một nén, giá nên nghìn vàng.
Lòng mừng giấu để vội-vàng,
E khi ai biết lên đường tất mong.
Tối hòa lạc chúng ngư-ông,
Nhằm đường các nẻo, khôn thông lối về.
Tuy vầy, vận chửa đến kỳ,
Giời thì mưa gió, ngày thì tối-tăm.
Van giời vái đất lầm-dầm,
Bóng khuê khôn để sáng đem lối đường.
Trước mặt nghe người gõ chuông,
Bừng-bừng bóng rỡ, nhường-nhường đèn chong.
Tự nhiên phơi-phới mừng lòng,
Dạo chân bèn bước đến công tiền-đường (4).

(Trích ở quyển Thiên-nam ngữ-lục ngoại-kỷ, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 478, tờ 60 b.-62 b.)

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ sao-lục

1) Theo lối chép sử của ta với của Tàu, thì đoạn này là ngoại-truyện, không phải là chính-sử, vì phần nhiều chép chuyện thần-tiên, chuyện tục-truyền, không có bằng-cớ nào cả. Tuy vậy, quyển *Đại-việt sử-ký tiền-biên* (bản-kỷ, quyển 1, tờ 1 b) cũng chép : « Có một ngày, Đinh-bộ-Lĩnh đi đánh những trẻ thôn khác, đi đến đâu chúng cũng qui-phục, cùng bảo nhau hằng ngày đem củi đuốc, đóng thuế : mẹ mừng, làm thịt lợn thết Các phụ lão ở những làng khác phần nhiều đem con em qui phục. Bộ-Lĩnh cùng bọn ấy ở trại Đào-úc ; chú thì giữ trại Bông (Bông-sách), cùng Bộ-Lĩnh đánh nhau, Bộ-Lĩnh ít tuổi không thể chống lại được, thua chạy ; khi đi qua bến đò Đàm-gia-nương thì cầu gãy, mắc ở trong lầy ; chú đuổi theo đâm, thấy hai con rồng vàng kề đỡ, chú sợ chạy lui. Bộ Lĩnh thu dư-chúng đánh lại, chú bèn hàng, bởi thế lòng chúng sợ phục. Đánh lần nào cũng được, gọi là Vạn thắng-vương ».

Khâm định Việt-sử thông giám cương-mục (chính biên, quyển 1, tờ 1 b-2 a) cũng chép « chú là Dự giữ Bông sách, cùng vua (Bộ-Lĩnh) chống-cự đánh nhau ; vua vì quân ít không địch nổi, thua chạy, qua cầu Đàm-gia, cầu gãy, mắc trong lầy : Dự theo đâm, thấy rồng vàng kề ôm, sợ mà lui. Vua thu dư-chúng đánh lại, Dự bèn hàng ».

Đại-việt sử-ký (bản-kỷ, quyển 1, tờ 2 a) thêm một đoạn rằng : « Xem truyện ngoài, Đinh Tiên-Hoàng lúc còn bé được : những đứa trẻ chăn trâu đùa tôn làm vua : Tiên-Hoàng mừng, rình lúc mẹ đi vắng, đem mọi đứa trẻ đến ăn trộm lợn nhà, mổ thịt ăn. Lúc mẹ về, sợ sẩy ra tai vạ mẹ nói với chú là Đinh-Dự. Dự giận, rút dao tìm ở cánh đồng rộng. Tiên-Hoàng cùng những trẻ đang bày hàng ăn uống. Lũ Điền, Bặc cùng Dự chống chế, để cho Tiên-hoàng chạy thoát Dự đuổi theo đến sông, thấy rồng vàng nằm ngang ở sông làm cầu nổi cho Tiên-hoàng bước sang. Dự sợ, ném dao trở về Tiên-hoàng đến Giao-thủy, theo nhà thuyền chài đi đánh cá, được ngọc khuê : việc bấy giờ như thế. Sử cũ bảo mẹ mổ lợn thết những trẻ mục-đồng và Tiên-hoàng cùng chú giữ trại trống cự đánh nhau ; lấy lý mà suy, sự thực nên theo ngoại-truyện. vì thế chép thêm đoạn này »

2) Chúng tôi không hay chua nghĩa, dù chắc rằng văn dù cổ, dù khó đến đâu, các bạn đọc báo cũng thừa hiểu cả, bất tất phải cắt nghĩa. Duy có câu : « Nướng đo chẳng chín, vạ trần dâu khô » (nếu có phải đúng với bản nôm), chúng tôi tưởng nên cắt nghĩa ra như thế này : con sâu đo ăn lá dâu, nhà chàn tằm bắt được, đem nướng cho chín, tức là cho chết, không thì nó lại ăn hại và gây vạ cho dâu, làm trần-trụi khô-héo hết cả.

3) « Nguyễn Bặc và Đinh-Bộ-Lĩnh cùng tuổi, cùng làng (động Hoa-lư, châu Đại-hoàng) ; lúc còn bé, cùng lũ Đinh-Điền Lưu-Cơ, Trịnh-Tú ; suy Bộ-Lĩnh làm vua, thường ở bên tả bên hữu ; kịp lúc xe vua đi trú-ngụ, cơm nước cùng theo, dẹp mười-hai sứ-quân, phong là Đinh-quốc-công. Sau giết Đỗ-Thích ám-sát vua Đinh Lê-Hoàn mưu truyền trong cung, Nguyễn-Bặc cùng Đinh-Điền chết vì tiết-nghĩa, dân nhiều nơi thờ » (chép theo quyển *Ninh-bình sự-tích*, sách viết bằng chữ nho, của Võ-đức-Hoằng, huấn-đạo huyện Gia-viễn, phủ Nho-quan, tỉnh Ninh-bình, soạn năm Thành-thái thứ năm (1893), số sách ở Trường Bác-cổ A 1406, tờ 39 a). Sử-thần Ngô-thời-Sĩ bàn rằng : « Đinh Tiên-hoàng khởi ở Hoa-lư. Nguyễn-Bặc, Lưu-Cơ và Đinh-Điền, Trịnh-Tú cùng làng, cùng tuổi với vua. Lúc còn bé tôn Tiên-hoàng làm chủ : lũ Nguyễn-Bặc thường ở bên tả bên hữu, hình như thị-vệ qui-cận . Tiên-hoàng bị chú đuổi, cơ-ngụ chẳng yên : bốn người bèn chia phiên mang cơm nước. Tiên-hoàng lánh ở Giao-thủy : bốn người không thể theo đi ; sau nghe thấy Tiên hoàng về với Trần Minh-công, lại rủ nhau đi theo. Tiên-hoàng mưu đánh : cả bốn người cùng là tá-mệnh nguyên-huân. Đến lúc chép công ban thưởng lẽ nào bỏ sót Điền-Tú ? Bởi sử chép thiếu ! » *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, bản-kỷ, quyển 1. tờ 4 a-b).

4) *Đại-Việt sử-ký tiền biên* (bản kỷ, quyển 1, tờ 8 b) chép rằng : « Xưa vua Đinh Tiên-Hoàng lúc còn hàn-vi, thường đánh cá ở sông Giao-thủy, kéo lưới được hòn ngọc khuê nhớn, húc phải đầu thuyền, sứt mất một tí. Đêm hôm ấy đến ngủ trọ ở chùa Giao-thủy giấu ngọc Khuê ở đáy dỏ cá. Đêm khuya ngủ say ; chợt thấy trong giỏ sáng rực, thày chùa dạy hỏi đầu đuôi : Vua đem ngọc Khuê ra nói truyện. Thày chùa than rằng : « Nhà ngươi ngày sau sẽ vinh hiển không thể nói được (qui bất khả ngôn) nhưng hiềm phúc không được dài ! » *Đại việt sử ký toàn thư* (bản kỷ, quyển 1, tờ 6a) cũng chép như thế.

ĐỐI VỚI CÁC BẠN HỌC-SINH NAM NỮ ĐỌC TRI-TÂN

Tri-Tân tạp-chí ít lâu nay được các bạn nam nữ học sinh chú ý đặc biệt : trong khắp các trường công tư đều thấy nhiều bạn trẻ đọc Tri-Tân. Muốn đáp tấm thịnh tình ấy, chúng tôi định từ nay đến 15 Mai 1942, trong các bạn nam nữ học sinh ấy, ai mua năm Tri-Tân sẽ được trừ 20%, nghĩa là giá báo riêng đối các bạn ấy sẽ như sau :

3 tháng 1$50—6 tháng 2$80,
1 năm 5$50

MONG CÁC BẠN CHÚ Ý

Tại sao từ nay nên viết là Trưng - Chắc và Trưng-Nhì ?

HOA-BẰNG

TRONG bài *Gia-đình Trưng-Vương* ở Tri-Tân số 38, tôi có viết : « Theo mục *Khảo dị* ở phần chữ hán trong cuốn *Trưng-vương lịch-sử* (1) của Cúc-Hương Hoàng tiên-sinh, thì chính thực tên bà (Trưng em) là Nhi, chứ không phải Nhị (2). Vì trong *Thần-tích* ở làng Lâu-thượng, huyện Bạch - hạc, tỉnh Phú-thọ có nói rằng nhà bà làm nghề chăn tằm, quen gọi cái kén dày là *kén chắc*, kén mỏng là *kén nhì*, nên khi hai bà Trưng sinh ra, nhà bèn ứng dụng ngay hai tiếng thuật-ngữ ấy mà đặt tên chị là *Chắc* và em là *Nhì* ».

Thế rồi, đến bài « *Một tấm bia lịch sử* » ở Tri-Tân số 39 trang 12-13, tôi thực tiễn ngay cái ý định : viết tên bà chị là Trưng Chắc, bà em là Trưng Nhì,

Viết bài này, tôi xin giải-thích cái cớ tại sao từ nay cần phải nên viết như thế.

∴

Từ xưa đến giờ, ta vẫn viết tên bà chị là Trưng Trắc 徵側 tên bà em là Trưng Nhị 徵貳, đó là noi theo sử, sách chữ nho của ta. Mà sử, sách ta xưa lại căn-cứ vào sử, sách của Tàu.

Ban đầu, người Tàu chép về chuyên danh-từ của ta, chắc phải theo âm tiếng nam mà phiên ra chữ hán. Họ chép về việc bà Trưng : « *Giao-chỉ nữ tử Trưng Trắc phản* » (!). Khi viết đến chữ « Chắc » là tên người, dầu họ có biết nghĩa là *chắc nịch không lép* đi nữa, họ cũng không được phép dịch là « Trưng *Sung-Thực* » hay « Trưng *Kiên-Hậu* » cho sai mất nguyên-âm đi, lẽ tất nhiên, họ phải chọn lấy một chữ hán đồng âm với chữ « Chắc » ấy mà chép vào, vì thế họ mới phải hạ đến chữ « Trắc » này.

Xưa ta theo văn hóa Tàu, học bằng chữ nho, viết bằng chữ nho, cho nên đối với tên hai bà Trưng, từ sử sách bằng chữ hán đến những ấn - loát - phẩm bằng chữ nôm, ta đều viết chữ «Trắc» và chữ « Nhị » theo y như trong *Sử-ký*, trong *Hậu Hán thư*, *Mã-Viện truyện*, *Lưu-Long truyện* của Tàu cả.

Nếu, về sau, không có thứ quốc-ngữ như ngày nay, cần phân-biệt « *tr* » với « *ch* » thì việc này không thành vấn-đề, Vì dù viết chữ «*trắc*» *nhân đứng bên chữ tắc* 側 hay *trắc chấm thủy bên chữ tắc* 測 hoặc *trắc* 昃 là *xế*, *trắc* 仄 là *bằng trắc* đi nữa cũng vẫn chỉ đọc một âm giống nhau thôi, người ta cũng không phân-biệt rạch-ròi cho lắm.

Sở-dĩ nó thành vấn-đề là vì từ sau khi âu-hóa, ta dùng chữ quốc-ngữ để viết sách, viết báo, nếu nhầm *tr* với *ch* thì người đọc sẽ hiểu khác nghĩa đi.

Vì theo các sử, sách chữ nho và chữ nôm của ta xưa viết chữ « *Trắc* » *nhân đứng bên chữ tắc*, và chữ « *Nhị* » là *nhị kép*, nên các sách báo quốc văn trước giờ vẫn viết là Trưng *Trắc* và Trưng *Nhị*

Vậy cứ viết như cũ có phải là dấu-hiệu tôn kính vĩ-nhân ?

Quyết không ! Vì nếu cứ viết mãi là « Trắc » 側 và « Nhị » 貳 thì tên hai vị quân thế nữ anh-hùng ấy chẳng có nghĩa gì là hay cả ! Đây, trong *Từ - nguyên* của Tàu giải-thích chữ «Trắc» ấy có bốn nghĩa : 1· *Bên, bên cạnh* 2· *Nghiêng-ngả*; 3· *Thấp hẹp*; 4. *Riêng*.

Còn chữ « Nhị » (nhị kép)? Ngoài 6 nghĩa không ăn-hiệp ra, chỉ có một nghĩa đáng chú ý là : giống nghĩa với *nhị* = (nhị đơn) là *hai*, tức là *nhì*.

Quả vậy, nếu viết chữ « Trắc » theo nghĩa hán-văn thì chẳng có gì là hay cả mà trái lại, chỉ có những ý-nghĩa không đẹp thôi.

Lại nếu hiểu chữ « Nhị » theo nghĩa chữ nho, thì người ta sẽ nhận ngay là *phụ*, là *phó* nếu không nghĩ đến những nghĩa « không hay » như là *nghi-nhị*, là *hai lòng*, là *sai-lệch*.

Như vậy còn gì là cái chân ý «cố danh tư nghĩa » theo lối đặt tên của ta nữa ?

Có người bảo : Tên bà em là Nhị tức là *phó*, là *phụ*, thế rất hợp với địa-vị của bà, cần gì phải theo tiếng ta mà đổi là Nhì nữa ?

Thưa : bà Trưng em tuy đứng vào địa-vị phó - vương, đóng vai phụ-động trong cuộc khởi nghĩa đánh Hán đấy thật, song đó chỉ là kể về mặt công, mặt xã - hội, chứ về phần gia-đình, bà là em ruột của bà Trưng-Chắc. Nay kêu bà *Nhì* theo như trong *Thần-tích* xã Lâu-thượng đã chép, thì rất hợp lẽ, vì vừa giữ được cái nguyên ý đặt tên theo thứ-tự chị em trong nhà, vừa tiêu-biểu được cái bản-sắc, cái đặc-tính của dân-tộc Văn-lang, khiến người thoạt nghe đến tên đã nhận biết ngay được cái «màu-sắc xứ-sở». Hiện nay, ở vùng quê, người ta vẫn dùng tiếng «nhì» để chỉ người em trai hay người em gái thứ hai : ông nhiêu *Nhì*, bà đồ *Nhì*. Vậy sao ta lại không muốn trả cái tên Nam cho người Nam mà là một tên chính-thật của người ta ?

Phải, có lý lắm, nhà sẵn làm nghề chăn tằm, khi đặt tên cho hai con, người ta tất nghĩ ngay đến việc rất dễ, rất tiện là : đem hai tiếng thuật-ngữ ra mà ứng-dụng : kén *chắc* là chị, kén *nhì* là em.

Ta đừng cho thế là cẩu-thả. Vì tâm-lý người xưa rất đơn - giản, làm gì thường cũng muốn cho tiện việc và dễ nhớ, nhất là muốn cho vừa tầm mọi người. Nên nhớ rằng trước đây hàng ngót 2000 năm, người mình làm gì đã được tinh-thông hán tự mà nhất nhất đặt tên đều dùng chữ nho ?

Đến ngay đời Phùng An đã ngang với nhà Đường (618 906), đời Đinh Tiên-hoàng đã ngang với nhà Tống (960-1127) bên Tàu, thế mà trong khi đặt tôn hiệu cho cha, cho vợ : một đằng còn gọi là « *Bố - cái* đại-vương», một đằng còn gọi là «*Cô-ông* » đều là những tiếng đặc An-nam, huống chi ngược mãi tận lên hồi vua Trưng là đời cổ ?

Những chứng-cớ tôi vin ra đó đủ tỏ một cách vững-chãi rằng chính tên hai bà Trưng đều đặt theo tiếng nam là *Chắc*, là *Nhì*, chứ không phải là *Trắc*, là *Nhị* như xưa nay vẫn viết.

Vậy, trả lại sự-thực cho lịch-sử, tôi mong rằng sách báo quốc-văn của ta từ nay về sau nên viết cho nhất-trí là Trưng *Chắc* và Trưng *Nhì* cả.

« Danh có chính thì lời nói mới thuận ». Nếu ai cười là «hiếu sự» thì tôi xin hỏi : Tại sao Tiêm-la phải đổi là Thái-lan và Tân-gia-ba phải đổi là Chiêu-nam kia chứ ?

HOA-BẰNG

1) In tại nhà in Đuốc-Tuệ, 1937

2) *Trưng-vương lịch-sử*, phần chữ hán, trang 24-25.

Thống chế Pétain đã nói :

« Những gia-đình Pháp có bổn phận phải duy-trì, qua các thế hệ, những đạo đức cổ thời đã đem sự cường thịnh cho các dân tộc. »

Tin vắn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Tòa lãnh sự Nhật ở Huế hiện đã làm việc từ hôm 27 mars 1942 và tạm đặt ở khách sạn Morin. Ông S. Kawano được cử giữ chức lãnh sự ấy.

QUỐC-TẾ

Cửa bể Colombo ở đảo Ceylan (Tích-lan) bị hàng trăm phi-cơ Nhật đánh. Nhiều tầu buôn của đồng-minh bị đánh.

Hai thành phố ở bờ bể Ấn-độ cũng bị ném bom. Việc điều-đình Anh-Ấn vẫn chưa có kết quả.

Mandalay ở phía bắc Diến-điện bị tàn phá.

Từ khi bắt đầu chiến-tranh, Nga đã thiệt 20 triệu quân, 23 712 chiến-xa, 34 70 đại-bác và 20476 phi-cơ; còn Đồng-minh thì thiệt 16 triệu tấn tầu buôn.

300 phi-cơ Anh đánh miền bắc Pháp và Rhénanie.

Hội Hợp-thiện Bắc-kỳ họp Đại-Hội-Đồng thường niên

Thưa các ngài,

Đúng 2 giờ chủ nhật 26 avril 1942, mười hai tháng ba ta, xin kính mời các Ngài đến họp tại hội quán 125 Đường-thành để họp Đại hội đồng thường niên.

Chương-trình nghị sự định như sau đây :

1) Nghe tờ trình của ban quản-trị ;
2) Nghe tờ trình của ban kiểm-soát thường-trực ;
3) Nghe tờ trình của ban Tham-Nghị ;
4) Duyệt-y sổ dự toán chi-thu năm 1942 ;
5) Bầu hội-đồng quản-trị, Kiểm-Sát ;
6) Duyệt-y danh sách các vị Tham Nghị mới ;
7) Các việc linh tinh.

Theo điều 53 điều-lệ nếu Ngài bận không đến dự hội đồng, Ngài có thể ủy quyền cho một vị hội-viên. Một hội viên chỉ có thể đại diện được hai vị vắng mặt thôi.

Nếu kỳ Đại-hội-đồng này không đủ một phần tư các hội-viên ngụ tại Hanoi thì Đại hội-đồng sẽ họp lần thứ hai vào 2 giờ chiều Chủ nhật 3 Mai 1942, tức là 19 tháng ba ta tại hội quán.

Kính mời

Thay mặt Hội-đồng Quản-trị
Tư-lý hội Hợp-Thiện
NGUYỄN TƯỜNG-PHƯỢNG

Tờ đăng này thay giấy mời riêng

Phất-phới bông lau

I

Lau hỡi ! vì ai lau có biết
Ngàn năm truyền lại trân cờ lau ?
Đàn trẻ chăn trâu nhà Đại-Việt
Nô đùa vui phất ngọn cờ lau ?

II

Bông lau phơ-phất lau-chùa gió,
Nhuộm sắc chiều hôm, sắc máu-me !
Ôi cảnh tương tàn ! ôi máu đỏ !
Thời xưa mang lại phút mê-lý !

III

Chi khi nghiêng trời đương chớm nở,
Vì-nhân thơ-ấu gặp nghèo-nàn,
Anh-hùng nũng mẹ nghe nhời quở
Tiêu-biểu lau rừng phất gió Nam.

IV

Lau cựa bên rào. Trẻ chậy chơi
Dừng chân đứng lại vít lau cười...
Ta nhìn, mơ tưởng bông lau nở
Trong óc ai kìa có bóng ai.

V

Vị chiếc ngai vàng — có thế thôi ! —
Nòi Hồng, giống Lạc máu xương phơi.
Dư-đồ xé toạc mười hai miếng,
Một mảnh cờ lau vá khỏi rời.

MINH-TUYỀN

Danh tướng nhà Đinh

PHẠM BẠCH-HỔ

NHẬT-NHAM

CUỐI đời nhà Ngô (939-965), con Thiên-sách-vương là Ngô-Xương-Xí lên nối nghiệp, thế mỗi ngày một suy nhược. Thổ-bào các nơi đều xướng lên độc-lập, xưng là sứ-quân. Ngô-Xương-Xí phải về đóng giữ đất Bình-kiều. Tướng nhà Ngô là Đỗ Cảnh-Thạc cũng chiếm giữ Đỗ-đồng-giang (thuộc phủ Thanh-oai, tỉnh Hà-đông) xưng là sứ-quân.

Trong nước, có 12 sứ-quân chia nhau giữ mỗi người một khu-vực, đánh lẫn nhau, làm cho dân-gian phải lầm than nhiều nỗi...

Trong số 12 sứ-quân, Phạm Bạch-Hổ đã từng có một uy-danh lừng lẫy, sau lại có công xây nền thịnh-trị cho nước Việt-nam.

Phạm Bạch-Hổ tên tự là Phòng-Ất, người xã Ngọc-đường (thuộc huyện Kim-động tỉnh Hưng-yên).

Vốn có dũng-lược hơn đời, nhân trong nước gặp hồi rối-loạn, Bạch-Hổ chiêu mộ binh mã, chiếm giữ đất Đằng-châu (cách tỉnh-lỵ Hưng-yên hai cây số) để cùng 11 sứ-quân tranh hùng.

Đến khi Đinh-Bộ-Lĩnh ở động Hoa-lư (Ninh-bình) đem quân dẹp loạn sứ-quân, Phạm-Phòng-Ất liệu sức mình chống không nổi, bèn xin qui-hàng, theo Đinh-Bộ-Lĩnh đi đánh các nơi, lập được nhiều công-nghiệp lừng-lẫy. Đinh-Bộ-Lĩnh phong Phạm-Bạch-Hổ làm thân-vệ đại-tướng-quân. Trong khi dẹp giặc, Bạch-Hổ không hề để quân nhũng-nhiễu dân lương-thiện.

Khi qua Đằng-châu, Bạch-Hổ đóng dinh tại đấy, cấm-chấp gian-phi, cường-khấu, và làm nhiều việc công-đức. Dân gian cảm ân-đức, đem trâu, bò, lợn rượu khao quân. Bạch-Hổ không nhận. Dân-gian lại càng cảm-phục, xin duệ-hiện làm đền thờ.

Sau khi Đinh-Bộ-Lĩnh hàng được sứ Phạm-Bạch-Hổ, nhờ có Bạch-Hổ giúp sức, từ đó đánh đâu được đấy, ngài được thế-nhân tôn làm Vạn-thắng-vương. Chỉ trong vòng một năm, vương đã dẹp xong các sứ-quân, đem giang-sơn hợp làm một mối và lập nên cơ-nghiệp nhà Đinh, mở nền độc lập cho nước nhà.

Đến khi Phạm-Bạch-Hổ mất tại xã Ngọc-đương và an-táng tại đồng xã này (hiện nay còn lăng), vua Đinh-Tiên-Hoàng sắc phong cho các xã Ngọc-đường và Đằng-châu phụng-tự.

Ngày nay, xã Ngọc-đường theo tôn-giáo khác, không còn đền thờ. Duy còn xã Đằng-châu và xã Sích-đằng (xưa thuộc Đằng-châu), hằng năm khói hương không ngớt.

Đền « Đằng-châu » tục gọi đền đức Thánh Mây, có nhiều tự-khí đồ-sộ và rất cổ. Năm năm bao khách thập phương đến chiêm-bái.

Các đời Lý, Trần, Lê đều có sắc phong.

Tục truyền : xưa Lý-Công-Uẩn nhân đi thuyền chơi trên sông Đằng-châu, qua trước cửa đền Bạch-Hổ, chợt gặp mưa to gió nhớn, bèn hỏi lái thuyền xem đền thờ vị nào.

Thấy nói là đền thờ Phạm-Bạch-Hổ rất linh-ứng, Công-Uẩn khấn rằng :

— Nếu làm được tạnh gió, nửa sông bên này mưa, nửa sông bên kia nắng, rồi lại làm nửa sông bên này nắng, nửa sông bên kia mưa, mới thực là anh-linh.

Quả nhiên thấy linh-ứng ngay. Lý-công-Uẩn rất cảm-phục, sai sửa lại đền thờ.

Đến khi Lý-Công-Uẩn mưu làm vua, có đến đền Bạch-Hổ khấn xin báo mộng.

Đêm nằm mộng, thấy thần-nhân đọc thơ rằng :

« Yêu thắng nả đắc thắng.
« Yêu thanh nả khắc thành.
« Tứ phương dai thuận phục.
« Chư quốc hưởng thăng bình.
« Tam niên trung lạc nghiệp,
« Thất miếu tự an linh ».

DỊCH :

Muốn đánh thời được,
Muốn làm thời nên.
Bốn phương hòa thuận,
Các nước bình yên.
Ba năm xong việc,
Bảy miếu thiêng liêng.

(Bảy miếu tức là làm vua được truy tự bảy đời).

Sau Công-Uẩn làm vua, hiệu là Lý Thái-Tổ, đổi Đằng-châu làm Thái-bình phủ, phong Phạm Bạch-Hổ là Thượng-đẳng tối-linh Đại-vương.

Đến đời nhà Lê, sông lở gần vào đến đền, đền di vào trong đê hơn ba thước, qua một đêm khó-nhọc.

Đến đời chúa Trịnh, cầu-đảo việc gì cũng linh-ứng Hằng năm, cứ đến ngày trung-đinh, chúa Trịnh ban cho 40 quan 25 đồng tiền cổ để dân làm lễ tế.

Chúa Đoan-nam-vương Trịnh-Khải có để ba bài thơ ở đền Phạm Bạch-Hổ như sau này :

I

Hộ quốc, an dân, hách quyết thanh,
Lịch triều bao tặng, cổn-hoa vinh

Lâm tiền Đằng - thủy, chung linh tú ;
Thập nhị đô-ky, đệ nhất doanh.

DỊCH :

Thần thiêng hộ nước lại an dân,
Vua, chúa truy phong biết mấy lần ?
Trước mặt sông Đằng, linh khí đúc
Danh kỳ thứ nhất rõ mười phân.

II

Bán giang tinh vũ, tam quân tráng,
Bát diệp Hầu, Vương, nhất mộng thành.
Thiên vi Sứ-quân lưu chính-khí,
Sinh vi anh dả tử vi linh.

DỊCH :

Nửa sông mưa, tạnh ; ba quân mạnh.
Tám vị Hầu, Vương : một giấc liền.
Trời khiến Sứ - quân phù đất Việt,
Sống, làm danh tướng ; thác, thần thiêng

III

Cung doanh thử địa cồ Đằng-châu,
Thập nhị sơn-hà, đệ nhất châu.
Tối thị anh-hùng, lưu bất tử,
Đường - lâm nhi hậu kỷ xuân thu ?

DỊCH

Mở mang doanh lũy chốn Đằng-châu,
Sông núi mười hai dải, đứng đầu.
Khí phách anh-hùng, còn mãi mãi
Đường-lâm từng trải mấy xuân thu ?

NHẬT-NHAM

(Bài này căn cứ vào *Thần-tích* xã Đằng-châu, tỉnh Hưng-yên).

Ý BẠN ĐỌC

NƯỚC NÀO VĂN-CHƯƠNG NƯỚC ẤY

NƯỚC tức là dân, nền học-thức của dân có cao thì nước mới văn-minh được. Xét về phần tinh-túy của văn-minh, ai cũng cho văn-chương là một cần-thiết, vì văn-chương là cai hồn của một nước, là cai máy để truyền-bá những tư-tưởng sâu xa và mới lạ.

Dân-tộc Pháp sở dĩ được văn-minh như ngày nay là nhờ có cái gốc văn - chương bền chặt, vì phần nhiều người trong nước đều có tư-tưởng cao và hiểu rõ cái tinh hoa chữ nước mình.

Sự tiến hay thoái - bộ của một nước đều chịu ảnh - hưởng của văn-chương cả.

Mỗi một nước, lẽ tất nhiên, phải có một nền văn-chương riêng. Vậy, những người dân trong nước, muốn bằng người, phải cố xây-đắp nền văn-chương đó cho đến chỗ hoàn-thiện. Nếu có đi được đến đích đó thì sự tiến-hóa trong nước mới có nhiều hiệu-quả.

Còn gì sung-sướng bằng người trong nước biết được và dùng được cái tinh-hoa của chữ nước mình : 1· Phát-biểu được tư-tưởng, cảm-giác riêng của từng người ; 2· Diễn-tả cả tư-tưởng và cảm-giác chung của một dân-tộc ; 3· Học tập nghiên-cứu văn-chương ngoại quốc để bồi-đắp vào cái cơ-sở văn-chương riêng của nước mình và vẫn giữ được bản-sắc cố-hữu của nó. Có như thế, văn tự của một nước mới có công-dụng hay vậy.

Theo lẽ tự-nhiên, nước nào cũng có tiếng nói của nước ấy ; và không có lẽ người một nước nói chuyện với nhau bằng tiếng nước ngoài.

Quốc-âm của ta lập thành đã lâu và xưa nay vẫn thông dụng trong nước. Nhưng trong tiếng ta vẫn phải mượn nhiều chữ Hán để đặt thêm vào.

Đấy là cái dấu-vết nó ăn sâu từ đời trước đến bây giờ, ngày nay chúng ta muốn gây dựng lại, lập ra một thể mới mà thay đổi hẳn đi, thì không có tài nào làm được. Chúng ta nên biết rằng quốc-văn đã chịu ảnh hưởng của chữ Hán rất nhiều từ mấy mươi thế-kỷ về trước cũng như tiếng Latin ở trong tiếng Pháp. Chúng ta chỉ có thể lợi-dụng cái ảnh-hưởng quý-báu đó, mà không có thể phá đổ đi.

Ngày nay tư-tưởng của dân ta đều tỏ ra rằng một nước phải có một lối văn riêng, thì sự tiến-hóa và sức mạnh ở trong nước mới chóng tăng cao. Vì vậy toàn quốc đều một lòng công nhận chữ quốc-ngữ làm chữ của nước Đại-Nam, và đã thông dụng khắp cõi Đông-dương. Nhưng hiềm vì phần đông chỉ biết dùng, mà không hiểu tinh-tường, cho nên mỗi người có riêng cái tự-do, muốn nói muốn viết thế nào tùy ý, và vì thế cách nói cách viết chưa có qui-tắc nhất trí cho lắm. Vậy ta phải tìm lấy một cái phương-châm để định hướng cho sự học.

Điều đầu là Quốc-văn ta đối với chữ Hán đã vốn có cái giây liên-lạc rất bền chặt, thì thể-thức nó cũng không nên thoát-ly thể-thức của Hán-văn. Nhưng chúng ta lại nên biết rằng tiếng ta tuy có chịu nhiều ảnh - hưởng của chữ Hán, song tự nó vẫn có cách lập thành riêng, có thể-tài riêng. Trong thời-kỳ chữ Hán đang thịnh-hành ở nước ta, tiếng ta vẫn có cái thế lực muốn cựa hẳn lên, để tranh lại với chữ Hán.

Những nhà thâm nho đời trước không phải không chú-trọng đến quốc-văn. Nếu không thế, sao có những tác-phẩm rất có giá-trị còn truyền lại đến ngày nay như *Đoạn trường tân thanh*, *Cung-oán*, *Hoa-tiên* v. v. Bây giờ tiếng ta đã nghiễm-nhiên có cái địa-vị chắc-chắn rồi.

Một điều cần thiết mà chúng ta nên nhận cho kỹ là ngày xưa các nhà Hán học tuy có dùng nhiều tài liệu trong chữ Hán để làm cho cái tiếng nước ta được phong-phú thêm lên, nhưng không hề chịu đem Quốc-văn đặt vào cái phạm-vi của Hán-văn, nghĩa là vẫn bảo-toàn cái đặc-sắc của quốc-văn ta vậy. Những nhà Tây-học bây giờ nếu muốn đem Pháp-văn dung-hòa với Việt-văn thì nên đem những tư-tưởng cao-siêu ở trong Pháp-văn bồi-bổ về tinh-thần cho quốc-văn ta, chớ có tưởng lầm quốc-văn phải đặt câu như Pháp-văn mới là mới, là hay, vì nếu ta càng chú-trọng về phần hình-thức bao nhiêu, thì lại sai-lạc mất phần tinh thần bấy nhiêu vậy.

Chúng tôi mong rằng tất cả dân nước Đại-Việt nên vì sự bảo-tồn đến chữ nước mình mà đồng tâm chú ý, bắt tay vào việc, như thế chả là một việc làm đáng trọng lắm hay sao ?

V. Nam
THIỆN BẢO

Thời-đàm

DOI ĐẤT MÃ-LAI

NHẬT-NHAM

PHÍA bắc, doi đất Mã-lai thuộc xứ Diến-điện của Anh cai-trị, có eo đất Cra dài 170 cây số, giữa vịnh Bengale và vịnh Tiêm-la, làm giới-hạn.

Miền trung-tâm doi đất Mã-lai là một khu vực nước Thái-lan.

Còn miền Nam gồm những đất-đai của Anh cùng các tiểu-bang do các quận-trưởng Mã-lai cai-trị dưới quyền bảo-hộ người Anh.

Doi đất Mã-lai, vì địa-thế trên đường hải-đạo nối liền xứ Indonésie, nước Trung-hoa, nước Nhật-bản và bể Ấn-độ, đã từng đón-tiếp người Ấn-độ, người Tàu, người Ả-rập và sau cùng đến người Bồ-đào-nha. Người Bồ-đào-nha chiếm xứ Malacca của một ông vua Mã-lai vào năm 1511, kiến-thiết thành một thành-trì kiên-cố, làm trung-tâm cho sự bành-trướng thế-lực tại Viễn-Đông. Năm 1641, người Hà-lan tấn-công vào thành Malacca. 25 dũng-sĩ Bồ-đào-nha hết sức chiến-đấu, nhưng vì hết lương-thực, phải giải-giáp quy-hàng. Người Hà-lan chiếm được thành-trì.

Nhưng đến đời vua Nã-Phá-Luân đệ-nhất, sau khi Hà-lan sáp-nhập vào Pháp-quốc, xứ Malacca bị người Anh chinh-phục. Theo nhời đề-cầu của Sir Raffles người Anh bảo-thủ miền Tân-gia-ba (nay Nhật đổi làm Chiêu-nam) là đầu doi đất Mã-lai chạy thẳng xuống bể Trung-quốc. Vì địa thế Tân-gia-ba thuận-lợi hơn xứ Malacca, nên Malacca buôn bán ngày thêm sút kém, khiến người Anh muốn chiếm Tân-gia-ba hơn là xứ Malacca. Cho nên năm 1827, người Hà-lan đổi cho người Anh nhiều địa-điểm trên đảo Sumatra để lấy lại xứ Malacca.

Tân-gia-ba (1) là một căn-cứ-địa về miền nam hải-đảo Malacca. Hải-đảo này cách doi đất Mã-lai bằng một eo bể hẹp tên là Tambroh. Bên kia bờ bể Tambroh là xứ Johore do người Anh bảo-hộ.

Hải-đảo này mới khai-phá từ sau kỷ-nguyên Tây-lịch. Đến thế-kỷ thứ 14, hải-đảo chiếm một địa-vị quan-trọng rồi dần dần suy-nhược, đến nỗi tới thế-kỷ thứ 19, trên mặt đảo chỉ có 150 người.

Chữ Phạn còn ghi trên đảo làm chứng cho một thời-đại oanh-liệt. Hải-đảo xưa đầy rừng cây bao-phủ. Trong vòng thế-kỷ thứ 18, du-khách Anh-cát-lợi là Alexandre Scott đã từng công-bố địa-vị quan-trọng của đảo và đến khi xướng lên vấn-đề hoàn lại các thuộc-địa cũ cho người Hà-lan, hai viên đại-úy Ross và Crawford thuộc hải-quân Bombay (Ấn-độ) yêu-cầu giao hải-đảo cho Sir Stamford Raffles cai-trị. Sir Stamford Raffles, khi ấy, làm Thống-đốc đảo Java, lên đường nhậm chức mới, bèn xin lập một quân-cảng ở phía nam hải-đảo Malacca. Năm 1819, được phép mở quân-cảng Tân-gia-ba và đến năm 1824, quốc-vương Johore nhường hải-đảo Tân-gia-ba cho Anh lấy 6 vạn bạc và một số tiền hưu-dưỡng 24 nghìn đồng.

Hải-đảo Malacca cùng các cù-lao lân-cận thuộc phạm-vi cai-trị của người Anh. Các xứ đặt dưới quyền bảo-hộ Anh, từ Bắc xuống Nam, là Johore, Pahana, Selangor, Perak. Phía bắc Parak, có một địa-điểm của Anh và trước mặt, có cù-lao Pulo Ponang là trung-tâm các thuộc-địa Anh cho mãi đến năm 1832 là năm thành-lập Tân gia-ba.

Doi đất Mã lai không chắc là nơi xuất-xứ của người Mã-lai, nhưng là một miền lục-địa có nhiều người Mã-lai nhất.

Người Mã-lai thân-hình cũng như người Việt-nam mình, nhưng bắp thịt nở hơn, da xám hơn và tóc hơi quăn hay thẳng. Răng thường nhuộm.

Người Mã-lai có tài bơi-lội, thích phiêu-lưu trên mặt bể, sẵn-sàng

1) Xin coi lại bài Quân-cảng Tân-gia-ba đăng trong Tri-Tân số 19 ra ngày 17 Octobre 1941.

RƯỢU
Duboquna
Le Bateau
Cam Xã-Doài
Ngũ - gia - Bì
Alcools médicamenteux

Chế bằng quinquina, jentiane và quả tươi.
Hiệu Ngọc-Hương *48 Sinh-từ Hanoi*
Tổng phát hành Bắc-kỳ.
Nhà chế tạo : **Đào-Viên** *117 Maréchal Foch Vinh.*

thành những tay giặc bể lợi-hại. Can-đảm và tàn-ác, người Mã-lai có tính thú vật. Lại được tôn-giáo tha thứ, nên cac nết ấy không sao sửa-đổi được.

Nhà dựng gần bờ bể, có cột chống đỡ, như nhà sàn dân thổ-trước miền thượng-du Bắc-kỳ.

Tiếng Mã-lai rất thông dụng trong sự giao-dịch trên doi đất Mã-lai. Nhờ thế, mà dần dần thâu-nhập được nhiều từ-ngữ Phạn, Ả-rập, Bồ-đào-nha, Hà-lan, Anh; thành một thứ tiếng rất giàu trong thương-trường Viễn-Đông

Người Mã-lai ở rải-rác khắp nơi trên mặt địa-cầu. Trong toàn cõi Indonésie, trên miền duyên-hải Đông-dương đều có dân Mã-lai. Người Hovas xứ Madagascar (thuộc-địa Pháp tại châu Phi tuy ở giữa đảo, không ở miền duyên-hải, cũng là dòng dõi Mã-lai, nói tiếng Mã-lai.

◆

Doi-đất Mã-lai có một địa-thế quan-trọng trong việc dụng-binh, nên sau khi khai-chiến với Anh-Mỹ, các nhà quân-sự Nhật nghĩ ngay đến việc tấn-công vào doi đất Mã-lai, mà nhất là vào Tân-gia-ba là một quân-cảng kiên-cố của Anh dựng trên đường hải-đạo nối Thái-bình-dương với Ấn-độ-dương.

Quân Nhật từ Thái-lan tiến sang vây hãm quân Anh tại miền nam Ipoh, tấn công rất mạnh vào chiến-tuyến Anh, làm cho quân Anh phải rút lui.

Ngày 5 Janvier 1942, quân Nhật đổ bộ vào miền nam Perak rồi tiến từ tây sang đông, từ hải-khẩu Perak đến chính-đạo tây-nam để cắt đường của quân Anh từ miền Ipoh kéo lại.

Tại miền Kouantan, quân Nhật tiến rất nhanh vào sát thành-phố và chiếm được trường bay vùng này.

Còn Tân-gia-ba cứ luôn luôn bị phi cơ Nhật tới ném bom, phá các cơ-quan quân-sự.

Chiến-lược của Nhật là cho quân đổ bộ lên giữa doi đất Mã-lai rồi chia làm hai mặt tiến đánh Tân-gia-ba ở miền nam, và Diến-điện ở miền bắc. Tuy địa-thế hiểm-trở, nhưng quân Nhật đổ bộ được lên lục-địa vẫn tiến rất nhanh lên bắc và xuống nam.

5 giờ chiều 8 Janvier 1942, quân Nhật chiếm được đô-thành xứ Selangor, quân Anh phải rút lui với bao nỗi hiểm-nghèo..

Rồi trước sức tấn-công của quân Nhật, quân Anh phải bỏ Kuala Lumpur là nơi sản xuất cao su, đến dựa vào sông Slim cách Kuala Lumpur 40 cây số về phía bắc. Quân Anh thiệt-hại rất nhiều chiến-xa và khí-cụ.

Hai bên huyết-chiến tại Tanjog Kalim, giữa miền Irolak và sông Slim gần địa-giới xứ Perak và Selangor. 5 giờ rưỡi chiều 9 Janvier 1942, quân Nhật chiếm được Tanjog Kalim, rồi sáng hôm sau, kéo đến Kubu Road cách đấy 40 cây số.

Chiếm được Kubu Roap giúp cho quân thiết giáp Nhật tiến rất dễ-dàng trên đồng bằng Kuala Lumpur.

Ngày 17 janvier 1942, quân Nhật đổ bộ lên miền duyên-hải phía tây Johore, tại Batupahat đánh nhau với quân Úc, đồng-thời cùng quân Nhật ở giữa xứ Johore vây hãm 20000 quân Anh. Quân Anh bị vây không còn đường rút lui, chỉ trừ qua miền lầy lội giữa xứ Johore.

Ngày 19 janvier 1942, nhiều đoàn phi-cơ phóng pháo Nhật giội bom xuống Tân-gia-ba, phá được nhiều cơ-quan quân-sự, nhiều nơi chứa dầu phát hỏa.

Suốt ngày 20 Janvier 1942, nhiều trận huyết-chiến diễn trên miền Bakri Bukit và Payong tại tây bắc xứ Johore, trong khi không-quân Nhật dùng súng liên-thanh trợ-chiến.

Chiếm xong xứ Johore Bahru, trên bờ bể phân cù lao Tân-gia-ba với doi đất Mã-lai, quân Nhật uy-hiếp Tân-gia-ba. Một mặt quân Nhật phá đứt cái máng nước của thành-phố Tân-gia-ba; một mặt luôn luôn không-quân đến ném bom xuống Tân-gia-ba, khiến quân Anh không đủ thì-giờ dập tắt các ngọn lửa và sửa sang những nơi bị tàn phá.

Thống-Chế PÉTAIN đã nói :

Thống-chế khuyên ta nên gượng bằng việc làm hơn la cổ-động báo nói.

Thống-chế đã khôi-phục một chánh-sách Pháp, một chánh-sách có những phương-châm vĩnh-viễn là theo công lý mà dùng các năng-lực của người trong Đế-quốc để phụng-sự ích chung; cho gọi là chánh-sách « bản-sứ », là sự thừa có phùng thời, đó là chanh-sách Đế-quốc

Nắm được hết cac nơi sung-yếu, đến 29 janvier 1942, quân Nhật tạp trung quanh vùng Tân-gia-ba cách 75 cây số, sau khi chiếm được Benut làm căn-cứ về phía tây.

Rồi tiếp đến cuộc đổ bộ oanh-liệt của quân Nhật và chiến-cụ lên hải-khẩu Endan.

Có không-quân trợ-lực, quân Nhật đổ bộ lên đảo Tân-gia-ba một cách nhanh-chóng và rất mạo-hiểm-khiến quân Anh không kịp đề phòng.

Sau một trận huyết-chiến, 15 Février 1942, quân-đội Nhật kéo vào thành-phố Tân-gia-ba.

Quân Anh đầu hàng không được hưởng một điều-khoản gì!

Thế là trong vòng hơn một tháng, Tân-gia-ba, một quân-cảng kiên-cố của người Anh tại Viễn-Đông, cùng doi đất Mã-lai, đã hoàn-toàn đổi chủ.

Nhật chiếm được doi đất Mã-lai giữ hết quyền kiểm-soát trên đường giao-thông Ấn-độ-dương với Thái-bình-dương và tiện đường tiến quân lên bắc để đánh Diến-điện. Hiện nay, kinh-đô Diến-điện đã thất-thủ và hai bên địch-quân vẫn giao-tranh kịch-liệt tại miền bắc Diến-điện.

Sau khi chiếm được doi đất Mã-lai, Chính-phủ Nhật dự đặt một con đường hỏa-xa nối suốt từ Mãn-châu đến Tân-gia-ba. Con đường này sẽ là một con đường duy-nhất của người Nhật đạt cái mục-đích gây nền thịnh-vượng chung: nam từ Mã-lai, đến Mãn-châu phía bắc.

NHẬT-NHAM

THOÁT CUNG VUA MẠC

Số 15

CHU-THIÊN viết

SÁU tên côn-đồ trên kia tức là lâu-la trong bọn chúng vậy. Sáu tên ấy kéo hai nàng vào giữa rừng, rồi đứa giữ tay, đứa kề dao vào cổ, cho những đứa khác khám xét, thoạt tiên chúng lột lấy hai cái áo lính. Trong khi làm việc, chúng ngang-nhiên cười nói huyên-thiên. Một đứa kêu :

— Lợn gầy lắm ! Chả béo tí nào ! Đồ ăn hại cám !

Bỗng đứa khác đang khám, giật phắt ngay tay ra nhảy cỡn lên, reo:

— Lợn cái ! A ha ! lợn cái ! anh em ạ !

Tức thì từng ấy đứa đều xúm lại xem xét và cùng reo :

— À, lợn cái thật ! lợn cái cả !

Rồi cả bọn đều im, im-lặng hồi lâu, nhìn nhau như để bàn tính về cách xử-dụng món mồi mới được. Hai nàng đi đã mệt lại đói, nên đành đứng im, không nhúc-nhích, không nói năng, chỉ trông nhau bằng mắt giàn-giụa, trong ruột rối như tơ vò, chua sót cho số đoạn trường đuổi mãi chưa thôi ! Một tên trong bọn bỗng lên tiếng :

— Đã lâu mới được món quý thế này,ta phải đem về dâng chúa trại...

Một tên khác tiếp :

— Phải đấy. Ta đem dâng chúa trại rồi xin ngài ban cho anh em bữa chén say túy-lúy càn-khôn !

— Chú mình, thì chỉ được cái đòi chén thôi. Tớ đây thì tớ xin chúa trại hễ có thải món nào thì cho tớ.

Một tên khác dõng-dạc truyền :

— Thôi anh em ta về mau để chúa trại mừng, và để anh em mình nghỉ chứ. Chả mấy khi lại thành công sớm thế này. Nào đi...

Cả bọn hùng-dũng ra đi, chúng ầy, chúng thúc, chúng lôi, chúng kéo, hai nàng cũng cố co đứng lại, một đứa giơ dao dọa :

— Hai con đĩ này có đi không, ông chém cho chết tươi *bi giờ*. Chúng mày lại gan à !

Hai nàng vẫn đứng im chẳng nói chẳng rằng. Bọn chúng tức-tối liền trói ngay hai nàng lại rồi xỏ vào đòn khiêng bổng lên, vừa đi vừa nói :

— Nào xem chúng mày còn gan nữa không ? Có gan giả làm lính, chứ gan được với chúng ông à !

Một tên trong bọn nói thêm :

— Của này chắc cũng tay đáo để đây. Chẳng phường chốn chúa, cũng quân lộn chồng,chứ chả không đâu !

Rồi chúng khiêng hai nàng đi ngang qua trong rừng, leo qua một sườn núi, đèo đá lởm-chởm chênh-vênh mà chúng cũng đi băng-băng như ta đi ở đường cái vậy. Leo qua quả núi ấy vào đến rừng trong rậm-rạp hơn, lại đi tạt ngang khu rừng ấy, đến một sườn núi đá nữa, lối lên thoai-thoải. Bọn chúng phải cúi rạp xuống mới khiêng lên được. Hai nàng cứ luôn luôn lắc-lư va lên lưng đứa nọ và chạm vào đầu đứa kia. Lên đến lưng chừng núi, đoàn người rẽ tạt sang bên đông, đi vào cổng trại. Một cái cổng gỗ gài lá cao sừng-sững ở sườn núi, trên có ba chữ to đồ-sộ : « *Quần-thảng trại* ». Đến đây lối vào đã ngang phẳng rồi, cả đoàn đi thong thả và ung-dung đắc-thắng khiêng hai kẻ bị bắt vào dâng trại-chủ. Đến cổng trong, một tên canh trông thấy vội hỏi :

— Các chú khiêng gì mà như người ta khiêng lợn ấy ?

Tên đi đầu tươi cười đáp :

— Lợn cái mới bắt được đây đem vào dâng chúa trại.

— Tốt nhỉ ? Những hai lợn cái kia à ? Hôm nay trong quân lại có chén ?

— Chúng tôi cũng mong như vậy. Chúa trại đã dạy chưa bác ?

— Tôi cũng không được biết, các chú cứ đem « lễ tiến » vào !

Tên giặc mở to cánh cổng cho bọn kia vào. Chúng khiêng hai nàng để ở nhà công-đồng, rồi nói với một tên hầu cận vào bẩm với chúa trại ở trong chính tẩm.

Cả bọn ngồi đợi ở nhà công đồng. Ấy là một cái nhà rộng cột gỗ lợp lá bốn bên bỏ trống cả. Mỗi cột ở đều có treo một câu đối vàng son chói lọi ca-tụng sự hùng-mạnh của tướng rừng xanh ! Ở giữa nhà treo một bức hoành với bốn chữ đại-tự to-tướng « *Sơn.hà chưởng ác* » (1). Ngay gian ấy kê một kỷ cao ba bậc. Trước kỷ đặt một cái lư trầm với hai bình hoa. Hai bên, trên hai cái giá, cắm một thanh gươm và một thanh quất. Ngoài đấy, nối liền với hai cái giá kia ra mãi gần hè, hai cái giá dài cắm chồng lên tua-tủa những giáo, mác sáng loáng. Ở những gian bên, những phương-kỷ, trường-kỷ kê thẳng hàng liền nhau để các bậc đàn anh trong trại ngồi, vào những buổi hội-họp Ngoài mặt công-

1.) Non sông trong nắm tay

đường là một cái sân rất rộng chạy thẳng tít ra mãi tận phương đông đến những dãy nhà lá của các lâu-la trong trại Tất cả đều phảng-phất một vẻ oai-nghiêm rùng-rợn !

Bọn sáu tên côn-đồ đang trò-chuyện, bỗng nghe thấy ba tiếng cồng báo chúa trại đã ra, chúng đều đứng cả dậy, rồi đều một loạt quỳ xuống lạy, khi Lý-Trang, chúa trại, đã ra đến công đường, theo sau có hai tên đầy-tớ gái. Chúng đồng thanh tâu :

— Bái chúc đại-vương vạn-tuế !

Chúa trại đường-hoàng bệ-vệ bước lên cái kỷ cao ba bậc ở gian giữa. Tóc đỏ mà soăn, mắt tròn mà sáng, lông mày đen rậm như sâu róm bò, chòm râu dày cứng tua tủa như chổi rễ, cái mồm rộng với cặp môi dày như quả chuối, trông y cũng ra vẻ một tay thảo-giã anh-hùng lắm. An vị xong, y liền hỏi :

— Cac ten kia có việc chi trình ta đấy ?

Một tên khúm-num thưa :

— Tâu đại vương, sáng hôm nay lũ tiểu-tốt đi tuần miền núi Đồng-voi có đon bắt được hai người coi y phục ra vẻ binh-lính của triều Lê...

Tên ấy ngừng, Lý Trang giục :

— Rồi sao nữa ?

— . . . Chúng con hắt lại xem có mang theo của-cải phi pháp gì không. Nhưng đến luc khám ra thì cả hai đều là đàn bà ?

Lý Trang tươi cười hỏi :

— Đàn-bà ? Trẻ hay già !

— Tâu đại-vuncg, cả hai đều trẻ cả, hẳng còn là con gái, lũ tiểu-tốt chung con đã khiêng được về đây để dâng lên đại-vương xử-định

Lý Trang cố ý giữ để bấy giờ mới trông xuống hai nàng bị trói và vui vẻ truyền :

— Tốt lắm ! Cho cởi trói hai người ra rồi dẫn đến đây ta xem. Nếu có thể thưởng các ngươi ta sẽ thưởng cho.

— Dạ !

Cả bon đồng thanh dạ rồi vội-vàng cởi trói cho hai nàng, dẫn đến trước kỷ để Lý-Trang xem. Lý ngắm nghia kỹ dung-nhan hai người, ra chiều tních ý lắm, tươi-cười hỏi :

— Hai cô vẻ người yêu-kiều diễm lệ thế kia, người trong khuê-các sao bỗng lạc loài đến đây ? Ấu cũng là duyên giời định vậy.

Hai nàng ngồi cúi gằm mặt xuống không nói. Lý liền sai hai tên đầy tớ gái đi vào lấy quần áo ra cho hai nàng mặc. Hai cô tớ gái trẻ măng mơn-mởn trong bộ y-phục hầu-hạ trắng muốt, phô rỡ vẻ đẹp khêu gợi ẩn-náu trong mình, vội chạy vào, sau khi đã trân-trân nhìn hai nàng mà mỉm cười chế-giễu. Một lúc sau, hai bộ quần áo đàn bà đã mang ra. Lý nắt ép hai nàng phải thay đồ mặc Hai nàng nhất định ngồi lỳ ra đấy chẳng nói năng gì cả Lý Trang trước còn ngọt ngào sau dỗ mãi, không được, y nổi nóng, quát-thét váng dậy cả trại lên, các lâu-la bộ hạ thảy đều sợ hãi, mà hai nàng vẫn cứ khang-khăng như vậy. không thay đổi thái-độ chút nào. Sau cùng Lý Trang đâm nghi, tưởng bọn bộ hạ bắt phải người câm liền quát mắng :

— À ! những tên kia láo, chúng bay bắt hai con câm về để đánh lừa ta à ? Đem những đồ tàn tật ở đâu về đây cho bẩn trại ta thế này ! Vừa câm, vừa điếc !

Hắn vừa đập bàn vừa quay bảo tên đầy tớ gái :

— Tiểu - Liên ! đánh cồng gọi quản-trại đem quân lên bắt bỏ những tên này vào nhà giam trị tội !

— Dạ !

Tên tớ gái chưa kịp đánh, thì Lệ-Kim thấy quang-cảnh tức cười, liền nói lớn lên rằng :

— Đồ chúng mày hèn-mạt, ăn cướp ở xó rừng, lừa người vào lưới để bóc lột, lại còn nói nhân nghĩa thánh tướng chực dỗ gái làm bậy. Cái chân-tướng mày đã lộ ra đấy ! Tao tiếc chưa thể băm thây xé thịt mày ra được để trừ mối hại cho thiên-hạ !

Lý-Trang lại hầm-hầm nổi giận, quát :

— À quân này to gan thật, dám xúc-phạm đến cả ta ! Tống chúng nó xuống nhà giam cho ta. Cùm chúng nó lại cho chúng nó biết thân !

Tên tớ gái liền đánh sáu tiếng cồng. Tức thời một lũ lâu-la mặt mày hung-ác chạy đến quỳ lạy dưới thềm. Nghe lời Lý truyền cả lũ tức khắc lôi tuột hai nàng đi. Qua sân trại, vòng ra dãy nhà sau, đi vào một cái hầm đục ngang sườn núi. Trong hầm ngăn ra từng ngăn một, xây bằng đá rất kiên-cố, để giam cầm những người bị bắt có lợi cho chúng mà còn dám phản-kháng lại chúng. Lũ kia đưa hai nàng vào một ngăn trong hầm, gông lại cẩn-thận. Một tên kiểm-soát kỹ-càng, rồi nói đồng :

— Mẹ kiếp ! cứng cổ già gan, cho ngồi đây xem gan cổ chúng mày thế nào nhé ! Rồi lại đừng lậy mà ra thôi.

Nói rồi, chúng sập luôn cửa khóa lại và kéo nhau ra.

II

Ở trong hầm giam tối om và bí hơi, hai nàng sụt-sùi thầm gạt lệ, và than-thở thân phận cùng nhau. Đôi bên lại cùng nhau kể-lể chuyện nhà mà trong lúc vội-vàng chưa kịp nói hết. Sau cùng Liên-Tường khóc bảo Lệ-Kim rằng :

— Chị ạ, thân em nay thù nhà đã giả, cha già đã cứu được rồi, sống ngày nào nữa cũng thừa đó thôi, chi bằng em liều chết cho rồi, để chị được nhẹ mình mà tìm đường tẩu thoát.

Lệ-Kim vội can và yên-ủi rằng :

— Tiểu-thư hãy khá yên lòng, tôi đang định liệu sẽ có kế thế nào ta cũng thoát khỏi nơi miệng hùm nọc rắn này, chớ những như liều chết thì việc gì còn ẩn-nhẫn đến ngày nay ! Tiểu-thư ạ ! Chi bằng ta giả ý nghe lời, rồi ta ra tay giết bỏ đứa cường đạo này đi. Em đây tuy hèn, nhưng cũng am-tường đôi chút vũ-nghệ có thể đối địch được, nếu không thành thì ta sẽ cùng nhau cùng chết, cũng chửa muộn gì ! Em đã có kế rồi, chị ạ.

Còn nữa

CHU-THIÊN

Một cơ-quan nghiên cứu quốc-học

(Bản-chí tiếp được bài này của hội Quảng-Trị nhờ đăng)

HỘI Quảng-trị Trung-kỳ ở Huế, cũng như hội Trí-trí ở Bắc-kỳ và hội Khuyến học ở Nam-kỳ, mấy lâu theo chương-trình buổi đầu, chỉ chú trọng về việc nghiên cứu pháp văn và hoạt động về mặt văn hóa Tây phương. Mới đây, sau một cuộc bàn bạc, có mời nhiều nhà nho học lão thành và hầu hết các nhà thanh-niên trí-thức ở Huế tham dự, hội Quảng-trị đã định mở rộng phạm vi hoạt động, và ngoài những công việc hội thường làm đặt một *ban nghiên-cứu quốc-học* để sửa lại chỗ thiên lệch bấy lâu.

Công việc của ban nghiên cứu đại khái gồm có những việc sau này :

1·) lập một *thư khố hán-việt* sẽ thu trữ những tài liệu và sách vở bằng chữ hán hoặc chữ trung quốc, hoặc của nước ta.

2·) tổ chức những *tiểu ban* để nghiên cứu những vấn đề học thuật hoặc để phiên dịch những sách xưa có quan hệ về đến quốc học, hoặc sách ngoại quốc có thể có ảnh hưởng cho học thuật nước nhà.

3·) tổ chức những lớp giảng về [illegible]n học, sự học nước nhà và hán học.

4·) xuất bản một tập san để in những bài nghiên cứu và những bài giảng và xuất bản những sách phiên dịch có giá trị.

5·) liên lạc với những cơ quan khác ở Nam, Bắc, Kỳ, cũng theo đuổi một mục đích về văn-hóa.

Ban nghiên cứu gồm có một *ủy ban giám đốc* và nhiều *tiểu ban* nghiên cứu hoặc phiên dịch.

Ủy ban giám đốc hiện nay gồm có sáu người :

Các ông : Ưng Bình Ban trưởng
Đặng văn-Hướng Cố vấn
Trần trình-Cáp Cố vấn
Nguyễn-Lân Thư ký
Lê xuân-Phương Phó thư ký
Đào duy-Anh thủ thư

Về thủ khố thì đã mua được hai nghìn rưởi sách chữ hán, quan trọng nhất là bộ *Tứ-khố toàn thư sơ tập* gồm những sách trọng yếu và hiếm có trong bốn bộ Kinh, Sử, Tử, Tập, là tất cả những tinh hoa của văn-học Á-đông.

Ủy-ban xẽ xin in lại hết cả các sách về lịch-sử Việt-nam hiện có bản in ở Quốc-sử-quán và sẽ mua, chép, mượn hoặc xin những sách chữ hán của nước ta. Về việc thu thập sách hạng này, ủy-ban chúng tôi trông mong ở các thế gia đại tộc đương còn giữ được nhiều sách xưa hoặc gửi biếu sách cho hội, hoặc gửi hội giữ sách hộ, hoặc cho phép biên chép lại để tiện việc nghiên cứu của các học-giả.

Về việc nghiên cứu và phiên dịch thì đã tổ-chức được năm tiểu ban chuyên trách những việc :

1) đính chính và phiên dịch sách « phủ biên tập lục » của Lê Quí-Đôn.

2·) phiên dịch sách Kim-vân-Kiều truyện của Thanh-tâm-tài nhơn.

3) đính chính và chú giải bài « tự tình khúc » của Cao bá-Nhạ

4) viết sách phổ-thông về kinh tế học và xã hội học.

5) viết sách phổ thông về triết học phương tây.

Về việc mở lớp giảng thì đã mời được nhiều giảng viên tân-học và cựu-học. Đoàn thể giảng viên sẽ thảo chương-trình trọn một năm và đem công bố. Muốn theo học những lớp ấy phải trả tiện chút đỉnh.

Ban nghiên cứu quốc học có nhận những tham-dự thông tín ở xa, vậy chúng tôi mong rằng các nhà thức giả, đồng chí ở xa sẽ vui lòng giao thiệp với chúng tôi về các vấn-đề học-vấn.

Lại mong các ngài ở Huế sẽ xin vào hội rất đông để ủng hộ công việc của chúng tôi đeo đuổi cho chóng thành công.

Ai hỏi đều gì về việc hội xin cứ gửi thơ cho :

ông ĐÀO ĐẶNG-VỸ
Hội-trưởng Hội Quảng-Trị Huế
(Président de la Société d'Enseignement Mutuel de l'Annam à Huế)

Nội các sách học tiếng Nhật đã xuất bản, chưa có quyển nào tốt bằng quyển

TIẾNG NHẬT HỌC LẤY

của

hiệu sách Đông Tây
195 Hàng Bông Hanoi

Ra từng tập một, mỗi tập 32 trang
In gần xong — Giá 0p20 — Cước thường 0p06
Các hiệu sách nên gửi mua ngay từ bây giờ kẻo hết, nhớ kèm mandat đặt trước. Còn bao nhiêu gửi lối lĩnh hóa giao ngân. — Thơ mua sách không kèm mandat đặt tiền xin miễn trả lời.

NHÀ XUẤT BẢN

MAI-LINH

Rue des Pipes Hanoi

Mới in xong

LÃO-TỬ

Một quyển sách rất có giá trị

Giá 0$80

Nhà thuốc tường đỏ

ĐỨC-PHONG

45, Phố Phúc-kiến Hanoi

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam, thuốc sống, bào chế, các thứ sâm.

MỚI PHÁT HÀNH 4 MÓN

Thuốc kinh nghiệm

1· **Thuốc bổ thận Đức-phong giá 1p.50**
Chữa các chứng thận hư : di tinh, mộng tinh khí hư

2· **Thuốc điều kinh bổ huyết Đức-phong giá 1p.20**
Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho các bà, các cô.

3· **Thuốc bo tỳ tiêu cam Đức-phong giá 1p.00**
Chữa chứng cam run, thuốc bổ của trẻ em

4· **Thuốc đại bổ Đức-phong giá 1p.50**
Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI : Hiệu thuốc Đức-tiến, 200 Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ 52 bis Bạch-mai Hano hiệu Đức-Hưng- ường 437 Ngã-tư Trung-hiền Hanoi, hiệu Mai-Lĩnh 60, 62 Paul Doumer Haiphong, hiệu Mai-Lĩnh 120 Geoges Guynemer Saigon, hiệu Đậu-hiên 81 rue Harmand Hưng-Yên, hiệu Đức-thịnh 126 phố Tiền-An Bắc-ninh, nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng Da Hanoi, Tự-Toàn 144 rue Duvilliers Hanoi, Vu-văn-Kích Avenue Aristide-Bridan Boite postales N· 62 PhnomPenh.

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sinh bệnh đái hạ) dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp).

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chôn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p60 ai bị bệnh giang mai uống thuốc giang mai số 14.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : **75 Phố Hàng Bồ.** *Chi nhánh* **88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.**

Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh

Imp. spéciale du Tri-Tân Administrateur-gérant : Dương-Tự-Quán